

**NHIẾP ĐẠI TỖ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THÂN BIẾN
GIA TRÌ KINH - NHẬP LIÊN HOA THAI TẠNG HẢI HỘI
BI SINH MẠN TRÀ LA QUẢNG ĐẠI NIỆM TỤNG NGHI
QUỸ CÚNG ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN HỘI**

QUYỂN I

*Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng của nước Trung Thiên Trúc
THÂU BÀ CA LA ('Subhakarā Sīma - Thiện Vô Úy) phụng chiếu
dịch. Đệ tử Thọ pháp NHẤT HẠNH cầm bút ghi, trao cho Tỳ Kheo
BẢO NGUYỆT dịch ra ngữ âm.*

Việt dịch: HUYỀN THANH

Cúi lạy Tỳ Lô Giá Na Phật
Hé mở mắt tịnh như sen xanh
Ta y Đại Nhật Kinh Vương nói
Cúng dường Sở Tư mọi Nghi Thức
Làm thành thứ tự Pháp Chân Ngôn
Như thế sẽ được mau thành tựu
Lại khiến Bản Tâm lìa nhơ bẩn
_ Nay Ta tùy nói Nghi Yếu Lược
Muốn ở đời này vào Tất Địa
Tùy theo nơi ứng của suy niệm
Gần gũi Tôn sở truyền Minh Pháp
Quán sát tương ứng tác thành tựu
Trước lễ Tôn truyền Giáo Quán Đỉnh
Thỉnh bạch Chân Ngôn, Nghiệp Sở Tu
Bậc Trí được Thầy cho phép xong
Y theo địa phận, chốn thích nghi
Ở khoảng sườn vách, cạnh đỉnh núi
Mọi nơi hang động giữa hai núi
Hoặc chỗ Như Lai, Thánh Đệ Tử
Trước kia đã từng trú ngụ qua
Chùa Tháp, Lan Nhã (Aranya) nhà Tiên xưa
Nên chọn nơi Tâm mình ưa thích
Xót thương Hữu Tình làm Đàn lớn
Tiếp phụ Như Lai mở Pháp Nhãn
Hay độ Trời, Người, vô lượng Chúng
Tức là Như Lai Thắng Sinh Tử (Con Thắng Sinh của Như Lai)
Đủ lực Tĩnh Tuệ hay kham nhẫn

Tinh tiến chẳng cầu các Thế Gian
Có đê phúng túng gây ra tội
Ân cần hoàn tĩnh đều hối trừ
Tâm mắt nhìn quán kỹ Minh xong
Năm Luân sát đất mà tác lễ.

_ Quy mệnh Chính Đẳng Giác mười phương
Ba đời tất cả đủ ba Thân
Quy mệnh tất cả Pháp Đại Thừa
Quy mệnh Chúng Bồ Đề Bất Thoái
Quy mệnh các Minh, lời chân thật
Quy mệnh tất cả các Mật Ấn
Dùng nghiệp thanh tịnh Thân, Khẩu, Ý
Ân cần vô lượng cung kính lễ.

1. Tác lễ phương tiện Chân ngôn là (Dùng Hạ Trì Địa Ấn)

“ÁN – Năng mô tát phộc đát tha nghiệt đa, ca gia, phộc khát-chất đa .

Phộc nhật-la mãn đà nã, ca lỗ nhĩ”

☞ OM - NAMO SARVA TATHAGATA KAYA VAK CITTA VAJRA
VANDANAM KARA UMI.

Do lời chân thật tác lễ này
Liên hay lễ khắp Phật mười phương.

_ Quỳ gối phải xuống, hợp chưởng móng
Suy tư sám hối tội nghiệp xưa
“Con do Vô Minh đã gom chứa
Nghiệp Thân Khẩu Ý tạo mọi tội
Tham dục, Giận, Mê che lấp Tâm
Nơi Phật, Chính Pháp, Hiền Thánh Tăng
Cha mẹ hai Thầy, Thiện Tri Thức
Cùng với vô lượng các chúng sinh
Trôi trong sinh tử từ vô thủy
Tạo đủ tội cực nặng vô tận
Đối trước mười phương Phật hiện tiền
Thảy đều sám hối, không tái phạm.

2. Xuất tội phương tiện Chân ngôn là (Phổ thông)

**“ÁN . Tát phộc bá ba tát-phổ tra, ná hạ năng phộc nhật-la dã, sa-phộc
hạ”**

☞ OM - SARVA PAPA SPHOTA DAHANA VAJRAYA - SVAHÀ

_ Nam mô Thập phương Tam Thế Phật
Hai loại Thường Thân, Tạng Chính Pháp
Chúng Đại Tâm Thắng Nguyên Bồ Đề
Nay con chân chính quy y hết.

3. Quy y phương tiện Chân ngôn

“ÁN . Tát phộc một đà, mạo địa tát-đát-noan, Thiết la nản nghiệt tha nhĩ, phộc nhật-la đạt ma, ngật-li”

☞ OM - SARVA BUDDHÀ BODHI STVAM - ‘SARANAM
GACCHAMI - VAJRA DHARMA HRİH

_ Con tịnh Thân này lìa bụi dơ
Cùng Thân Khẩu Ý của ba đời
Số nhiều hơn bụi hơn biển lớn
Phụng hiến tất cả các Như Lai

4. Thí Thân Phương Tiện Chân ngôn là (Thân đồng với tướng Chày Độc cổ)

“ÁN . Tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ, bát-la phộc li-đa năng dạ đát-ma nam, Niết li-dã đả dạ nhĩ. Tát phộc đát tha nghiệt đa thất-giả Địa để sắt-xá đam. Tát phộc đát tha nghiệt đa nhạ nan mê, a muội thiết đô”

☞ OM - SARVA TATHÀGATA PÙJA PRAVARTTÀNÀYA -
ATMANÀM NIRYÀTA YÀMI - SARVA TATHÀGATA ‘SCA
ADHITIṢṬATAM - SARVA TATHÀGATA JÑA ME ÀVI’SATU

_ Tâm Tĩnh Bồ Đề, báu Thắng Nguyên
Nay con phát khởi cứu Quần Sinh
Sinh khổ đặng tập trói buộc thân
Cùng với Vô Tri hại đến thân
Cứu nhiếp quy y khiến giải thoát
Thường nên lợi ích các Hàm Thức

5. Phát Bồ Đề tâm Phương Tiện Chân ngôn là (Phộc Ấn)

“ÁN . Mạo địa tức đa, tam mẫu đát bá ná dạ nhĩ”

☞ OM - BODHICITTAM UTPÀDA YÀMI

_ Trong vô lượng Thế Giới mười phương
Các Chính Biến Tri, chúng đại hải
Mỗi một lực phương tiện khéo léo
Với các Phật Tử vì quần sinh
Bao nhiêu Phước Nghiệp đã tu tập
Nay con tùy hỷ hết tất cả

6. Tùy Hỷ Phương Tiện Chân ngôn là (Quy mệnh Hợp chưởng)

“ÁN . Tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ, nhạ năng nỗ mẫu ná năng, bố nhạ, mê già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, Hồng”

☞ OM_ SARVA TATHÀGATA PUṆYA JÑÀNA ANUMUDANA
PÙJA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HÙM

_ Nay con khuyến thỉnh các Như Lai
Bậc Bồ Đề Đại Tâm Cứu Thế
Nguyên xin khắp cả Giới mười phương
Thường kéo mây lớn tuôn mưa Pháp

7. *Khuyến thỉnh phương tiện Chân Ngôn* là:

“ÁN, tát phộc đất tha nghiệt đa, đệ sai ninh, bố nhạ, mê già, sa mẫu nại-la, sa-phả la noa, tam ma duệ, hồng”

☞ OM_ SARVA TATHÀGATA ADDHEṢAṆA PÙJA MEGHA
SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HÙM

_ Nguyên khiến nơi Phàm Phu cư trú
Mau buông mọi khổ bám trên thân
Sẽ được đến nơi không dơ bẩn
An trụ Thân Pháp Giới thanh tịnh

8. *Phụng Thỉnh Pháp Thân Phương Tiện Chân Ngôn* là :

“ÁN, tát phộc đất tha nghiệt đa, ná đệ sai dã nhĩ, tát phộc tát đất-phộc. Hệ đa lệ-tha dã, đạ ma đà đồ tát-thể để lật-bà miệt đồ”

☞ OM_ SARVA TATHÀGATA ADDHEṢA YÀMI . SARVA SATVA
HÌTA ARTHÀYA DHARMADHÀTU STHITIRBHAVATU

_ Tất cả mọi Nghiệp Lành tu được
Vì lợi ích tất cả chúng sinh
Nay con chân chính hồi hướng hết
Trừ sinh tử khổ đến Bồ Đề

9. *Hồi Hướng Phương Tiện Chân Ngôn* là :

“ÁN, tát phộc đất tha nghiệt đa, niết lệ-dã tát-năng, bố nhạ, mê già, tam mẫu nại-la, sa-phả la noa, sa ma duệ, hồng”

☞ OM_ SARVA TATHÀGATA NIRYÀTANA PÙJA MEGHA
SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HÙM

_ Lại tạo nên các việc Phước khác
Đọc tụng, kinh hành, ngồi yên lặng
Nay vì Thân Tâm thanh tịnh khắp
Thương xót cứu nhiếp nơi Tự Tha
Tâm Tính như vậy lìa bợn nhơ
Tùy theo chỗ ứng ngồi an tọa
Quan sát rõ ràng Sơ Tự Môn (A Tự Môn)
Luân Viên chín vòng rộng tròn trắng

_ Tiếp nên kết Tam Muội Gia Ấn (Chắp 2 tay lại, giữa trống rỗng, dựng thẳng như cây phượng, hay mãn nhóm Phước Trí)

Ấy là Tĩnh Trụ Tam Nghiệp Đạo (đường lối Tĩnh trừ 03 Nghiệp)

Nên biết tướng Mật Ấn

Các Chính Biến Tri nói

Phải chắp tay Định Tuệ(2 bàn tay)

Kèm dựng hai Không Luân (2 ngón cái)

Chạm khắp các chi phần

Tụng trì Chân Thật Ngữ

Nhập Phật Tam Muội Gia

10. Tam Muội Gia Chân ngôn

“Năng mô tát la-phộc đát tha nghiệt đế tỳ đước vĩ Thấp-phộc mục khế Tỳ đước. ÁN. A tam mê, đễ-li tam mê, ta ma duệ, sa-phộc hạ ””

↳ NAMO SARVA TATHAGATEBHAYAḤ VI'SVA MUKHEBHAYAḤ -
OM - ASAME TRISAME SAMAYE - SVÀHÀ

Vừa kết Mật Ấn này

Hay Tĩnh Như Lai Địa

Mãn Địa Ba La Mật

Thành ba Pháp Giới đạo (con đường của Pháp Giới)

Các Mật Ấn còn lại

Ấn Phẩm thứ tự nói.

_ Tiếp, kết Pháp Giới Sinh

Tiêu xí của Mật Tuệ

Vì Tĩnh Thân Khẩu Ý

Chuyển khắp cả Thân phần

Tay Bát Nhã (Tay phải) Tam Muội (Tay trái)

Đều nắm Kim Cương Quyền

Hai Không (2 ngón cái) trong lòng tay

Phong (ngón trỏ) Tràng (cây phượng) đều thẳng đứng

Như vậy là Pháp Ấn

Mật Ấn của thanh tịnh.

11. Pháp Giới Sinh Chân ngôn:

“Năng mạc Tam mãn đa bột đà nam. LAM, đạt ma đà đở, sa-phộc bà phộc cú hàm ””

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - RAḤ _ DHARMADHÀTU
SVÀBHAVAKA UHAḤ

Như Tự Tính Pháp Giới

Mà quán Thân của mình

Hoặc dùng Chân Thật Ngôn

Chuyển ba lần, diễn nói

Thường thấy trụ Pháp Thế

Không dơ như Hư Không

Uy lực Chân Ngôn Ấn

Vì gia trì Hành Nhân

Khiến kẻ ấy kiên cố

Quán ngay Chấp Kim Cương

Kết Ấn Kim Cương Trí

Tay Chỉ (tay trái) Quán (tay phải) chung lưng

Luân Địa (ngón út) Thủy (Ngón Vô danh) Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)

Trái phải trợ lẫn nhau

Hai Không (2 ngón cái) đều xoay chuyển

Hợp ở trong Tuệ chưởng (lòng bàn tay phải)

Đây gọi là Pháp Luân
Tối Thắng Cát Tường Ấn
Người ấy chẳng bao lâu
Đồng với Đấng Cứu Thế
Uy lực Chân Ngôn Ấn
Người Thành tựu sẽ thấy
Thường như Chuyển Bảo Luân (bánh xe báu)
Mà chuyển Đại Pháp Luân

12. Kim cương Tát Đỏa Chân ngôn:

“**Năng mặc Tam mạn đa phộc nhật-la nản-phộc nhật-la đất-ma cú hàm**”

☞ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - VAJRA ATMAKA UHAM

Tụng Chân Ngôn này xong
Nên trụ ở Đẳng Dẫn
Đế quán TA, Thân này
Tức là Cháp Kim Cương (Vajradhara)
Vô lượng chúng Thiên Ma
Các loài khi nhìn thấy
Như Kim Cương Tát Đỏa (Vajrasatva)
Đừng sinh Tâm nghi hoặc
_Tiếp Hoàn Giáp Kim Cương
Nên quán nơi mặc áo
Khắp Thể sinh ánh lửa
Dùng đậy trang nghiêm Thân
Các Ma, loài gây chướng
Với loài ác tâm khác
Nhìn thấy đều chạy tan
Trước tác Tam Bồ Tra
Chỉ Quán (2 bàn tay) hai Không Luân (2 ngón cái)
Cột giữ trên Hỏa Luân (ngón giữa)
Hai Không (2 ngón cái) tự kèm nhau
Trụ trong lòng bàn tay
Tụng Chân Ngôn ấy xong
Nên quán chữ Vô Cấu (ॐ _OM_ Trỏ phải, TUM_ Trỏ trái)

13. Kim Cương Giáp Trụ Minh:

“**Năng mặc Tam mạn đa phộc nhật-la nan. ÁN. Phộc nhật-la ca phộc già,**

Hồng”

☞ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - OM VAJRA KAVACA - HŪM

_Màu chữ LA (ॐ - RA) trắng tươi
Đem điểm Không tô điểm (ॐ - RAM)
Như Minh Châu búi tóc
Đặt ở trên đỉnh đầu
Vị ở trong trăm kiếp
Đã chứa mọi tội đơ

Do đầy đều trừ diệt
Phước Tuệ đều viên mãn
Tức Chân Ngôn ấy là:

14. “Năng mặc Tam mạn đa bột đà nam. Lãm”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - RAM

Chân Ngôn đồng Pháp Giới
Trừ vô lượng chúng tội
Chẳng lâu sẽ thành tựu
Trụ ở Địa Bất Thoái
Tất cả nơi húc ướ
Gia thêm Tự Môn này (ॐ - RAM)
Màu đỏ đủ uy quang
Tóc lửa vây quanh khắp
_ Tiếp vì Giáng phục Ma
Chế ngự các Đại Chương
Nên niệm Đại Hộ Giả
Vô Năng Kham Nhãn Minh
Tướng Ấn như Minh dưới.

15. Đại Hộ Chân ngôn là:

“Năng mặc Tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ dục. Tát phộc bà dã vĩ nga đế tỳ dục, vĩ thấp-phộc mục khế tỳ dục. Tát phộc tha, Hám khiếm, la khát-sái ma ha mạt lệ. Tát phộc đát tha nghiệt đa, bôn ni-dã nễ tả đế, Hồng Hồng, đát-la tra đát-la tra, A bát-la để tư đế, sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ - SARVA BHAYA
VIGATEBHYAḤ - VI'SVA MUKHEBHYAḤ - SARVATHĀ HAM KHAM
RAKṢA MAHĀ BALE - SARVA TATHĀGATA PUṆYA NIRJATE - HŪM
HŪM _ TRĀṬ TRĀṬ _ APRATIHATE _ SVĀHĀ

Do vừa mới nghĩ nhớ
Các Vĩ năng Dạ Ca (Vināyaka)
Nhóm La Sát hình ác
Tất cả đều chạy tan
_ Trước mặt quán chữ LA
Đủ điểm rộng nghiêm sức (ॐ - RAM)
Là Tĩnh Quang Diễm Man (Vòng lửa của ánh sáng thanh tịnh)
Đỏ như mặt trời sớm
Niệm: Tiếng, Nghĩa Chân Ngôn
Hay trừ tất cả Chương
Giải thoát ba Độc Cấu (Bợn nhớ của ba Độc)
Các Pháp cũng như thế
Trước tự tịnh Đất Tâm
Tiếp, tĩnh đất Đạo Trường
Đều trừ mọi lỗi lầm
Đất này cũng như vậy

Bạc Du Già Đế Quán (Chân thành xem xét kỹ)

Năm Luân rất thân mật (Bí mật sâu xa)

_ Thoạt đầu ở dưới lập

Suy tư Phong Luân kia

Nơi an trú chữ HA (𑖇)

Màu đen tuôn ánh lửa

Tức Chân Ngôn ấy là:

16. “Năng mặc Tam mãn đa bột đà nam. Hàm”

𑖇 NAMAḤ SAMNATA BUDDHÀNĀM - HAM

_ Tiếp, trên đặt Thủy Luân

Màu sắc như sữa tuyết

Nơi an trú chữ Phộc (𑖇 - VA)

Ánh điện Trăng Pha Kỳ

Tức Chân Ngôn ấy là:

“NOAN” (Quy mệnh giống như trước)

𑖇 NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - VAM

_ Lại ở trên Thủy Luân

Quán làm Kim Cương Luân

Tưởng đặt chữ ban đầu (𑖇 - A)

Bốn phương toàn màu vàng

Tức Chân Ngôn ấy là

“A” (Quy mệnh giống như trước)

𑖇 NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - A

Luân ấy như Kim Cương

Tên Đại Nhân Đà La (Mahā Indra)

Ánh lửa màu vàng trong

Tràn ngập tuôn chảy khắp

Ở trong đấy suy tư

Đạo Sư, các Phật Tử

Trong nước quán sen trắng

Cộng Kim Cương xinh đẹp (Diệu sắc)

Tám cánh đủ râu nhụy

Mọi báu tự trang nghiêm

Thường tuôn vô lượng quang

Trăm ngàn sen vây quanh

_ Trên ấy lại quán tưởng

Tòa Đại Giác Sư tử

Bảo Vương dùng trang sức

Ngay trong cung điện lớn

Cột báu xếp thành hàng

Khắp nơi có phướng lọng

Các chuỗi ngọc xen nhau

Rũ treo áo báu đẹp

Chung quanh mây hương kia
 Cùng với mọi mây báu
 Tuôn mưa mọi loại hoa
 Thơm phức trang nghiêm đất
 Tiếng hòa vận êm tai
 Dâng hiến các âm nhạc
 Trong cung tưởng Tĩnh diệu (Trong sạch màu nhiệm)
 Hiền Bình với Ứ Già
 Cây Vua báu nở hoa
 Đèn Ma Ni soi chiếu
 Tam Muội, đất Tổng Trì
 Thế Nữ của Tự Tại
 Phật, Ba La Mật đẳng
 Bồ Đề, hoa diệu nghiêm
 Phương tiện tác kỹ nhạc
 Ca vịnh âm Diệu Pháp
 “Dùng lực Công đức TA
 Lực Như Lai gia trì
 Cùng với Lực Pháp Giới
 Cúng dường khắp rồi trụ”

17. Hư Không Tạng Minh Phi Chân ngôn là:

“Năng mạc tát phộc đất tha nghiệt đế Tỳ-dược, vĩ thấp-phộc mục khế tỳ-dược. Tát phộc tha khiếm ổn na nghiệp đế, sa-phả la tứ hàm. Nga nga năng kiếm, Sa-bà hạ”

↳ NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHYAḤ - VI'SVA MUKHEBHYAḤ - SARVATHÀ KHAM UDGATE SPHARA HÌMAM GAGANAKAM - SVÀHÀ

Do đây từ tất cả
 Chân thật không sai khác
 Kim Cương Chưởng, trong rỗng
 Đấy tức Ấn gia trì
 Tất cả Pháp chẳng sinh
 Tự Tính vốn vắng lặng
 Tưởng niệm chân thật này
 Đặt chữ A (ॐ) trong đó
 Thành Đại Nhật Mâu Ni
 Vô tận Sát Trần chúng
 Hiện trong hào quang tròn
 Ngàn Giới làm số tăng
 Tuôn ra Quang Diễm Luân (Vành lửa của hào quang)
 Trần khắp Giới Chúng Sinh
 Tùy Tính khiến khai ngộ
 Thân Ngũ trần tất cả
 Phật Tâm cũng như thế

Diêm Phù màu vàng trong
 Vì tương ứng Thế Gian
 Ngồi Kiết Già trên sen
 Chính Thọ lìa các Độc
 Thân khoác áo sa lỵ
 Mào đỉnh tóc tự nhiên
 Tự Môn chuyển thành Phật
 Cũng lợi các chúng sinh
 Giống như Đại Nhật Tôn
 Bạc Du Già quán sát
 Một Thân và hai Thân
 Cùng nhập vào Bản Thể
 Lưu xuất cũng như vậy
 Tùy nơi ưa muốn đó
 Y Pháp trước mà chuyển
 Triệu dùng ba Bộ Tâm
 Phong (ngón trở) Câu (cong như móc câu) liền gia thỉnh
 Vì khiến Tâm vui vẻ
 Phụng hiến Ngoại Hương Hoa
 _Tiếp kết Đồ Hương Ấn
 Quán Chưởng (lòng bàn tay phải) hương ngoài dựng
 Chỉ Vũ (Tay trái) nắm Hữu Quán (Tay Phải)
 Tâm tưởng mây dầu thơm (Đồ hương)
 Sạch mát trần Thế Giới
 Đồ Hương Chân Ngôn là

**18. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Vĩ thú đà kiến độ nột-bà phộc
dã, sa-phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - VI'SUDDHE GANDHA
 UDBHAVĀYA - SVĀHĀ

_Tiếp MINH: phụng Hoa Ấn
 Tám ngón nội tương xoa (cài chéo nhau bên trong)
 Uyển hợp (hợp cổ tay) Phong đầu trụ (2 đầu ngón trở dính nhau)
 Ấn như thế bụm hoa

19. Chân ngôn là:

**“Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Ma ha muội đất li-dã, vĩ dữu ỏn nga
đế, sa-phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - MAHĀ MAITRYA
 ABHYUDGATE - SVĀHĀ

_Tiếp MINH: Thiêu Hương Ấn
 Sáu ngón giáp lững trong
 Hai đầu Phong (ngón trở) kèm nhau
 Không (ngón cái) đều phụ ở Phong (ngón trở)

20. Chân ngôn là:

“Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Đạt ma đà đồ nỗ nghiệt đế, sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṀ - DHARMA DHÀTU ANUGATE - SVÀHÀ

_ Tiếp MINH: Âm Thực Ấn

Hai Địa (ngón út) cùng dính cạnh

Thủy (Ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) hợp đồng

Không (ngón cái) phụ ở dưới Phong (ngón trỏ)

Giống như hình Thực Khí (vật đựng thức ăn)

Hợp cổ tay dằng hiển

21. Chân ngôn là:

“Năng mặc Tam mãn đa bột đà nam. A la la, ca la la, ma lân nại nê, ma ha ma lệ, sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṀ - ARARA KARARA VALIM DADE, MAHÀ VALEḤ - SVÀHÀ

_ Tiếp MINH: Đăng Minh Ấn

Quán Quyền (quyền phải) dựng Hỏa Luân (ngón giữa)

Không (ngón cái) trụ lóng dưới Hỏa (ngón giữa)

Vận tưởng vô biên Cõi

Mỗi mỗi trước chư Phật

Sáng tỏ làm Phật Sự

22. Chân ngôn là:

“Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Đát tha nghiệt đa lợi chỉ, sa-phả la noa, phộc bà sa ná, nga nga nhu ná lệ-đã, sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṀ - TATHÀGATA ARCI SPHARAṆA VABHASANA GAGANA UDÀRYA - SVÀHÀ

_ Tiếp, nên quỳ dài, Phổ Thông Chưởng

Tán dương các Phước Trí Như Lai

Đây đã khen ngợi Sát Trần chúng

Vì cầu Tất Địa Pháp thanh âm (tiếng trong trẻo)

Ân cần xướng tụng ba đến bảy

Tiếp tụng Câu Cát Khánh Già Tha

Hoặc năm hoặc bảy, dưới đến ba

Cảnh giác chư Tôn khiến vui vẻ

23. Chân ngôn là:

“Phộc nhật-la tát đát-phộc, Tăng nga-la.

Phộc nhật-la la đát-năng, ma nỗ đát-lam

Phộc nhật-la đạt ma, nga dã nại

Phộc nhật-la yết ma, A lỗ bà phộc”

☞ VAJRASATVA SAṀGRA - VAJRARATNA MANU TRAM VAJRADHARMA GAYADO - VAJRAKARMA KALOBHAVA

_ Tiếp hiển Ứ Già Ấn

Chỉ Quán (2 tay) chấp Liên Hoa (Liên Hoa Hợp chưởng)

Mở Phong (ngón trỏ) phụ lóng Hỏa (ngón giữa)
Không (ngón cái) đều phụ ở Phong (ngón trỏ)
Quy: Trước, phải, sau, trái
Đưa Ấn đến vàng trán
Ba lần dâng Thánh Thiên
Trong Tâm có mong cầu
Tùy hiến đều trình thưa (Khải bạch)
Sẽ được địa vô cầu (Amala Bhùmi)
Định Ly Não Thanh Lương

24. Ứ Già Chân ngôn là:

“**ÁN. Phộc nhật-la ná ca Tra, Hồng**” (Như cầu, chú nguyện 3 lần tập, Bách Tự Minh)

☞ OM - VAJRA UDAKATA - HÙM

[**Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Nga nga năng Tam ma Tam ma, sa phộc hạ**

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - GAGANA SAMA ASAMA - SVĀHĀ]

_ Tiếp cầm chày Kim Cương
Rút ném, rung chuông vàng
Liên thêm chuyển Pháp Luân
Đế Tướng (chân thành tướng) Chấp Kim Cương
Như ở Pháp Giới Tính
Thường trụ Tâm Bồ Đề
_ Tiếp kết Phương Ngung Ấn
Dùng Thánh Bất Động Tôn (Acala)
Chuyển trái thành Tịch Trừ
Chuyển bên phải, trên, dưới
Chạm khắp chi phần Thân
Kết hộ đều kiên lao (bền chắc không thể phá)
Chân ngữ, mẫu đà la (Mudra – Ấn)
Như dưới nên phân biệt
_ Đã nghiêm bị xong rồi
Thị hiện Căn Bản Khế
Lại gia trì năm nơi
Chuyển bảy lần hoặc ba
Bung Ấn, mở trên đỉnh
Bán già, Chính Thân ý
Hoặc tác Tướng ứng Tọa (cách ngồi tương ứng)
Tùy tướng như Giáo nói.
_ Chính diện trụ trước Thân
Quán một Tướng Viên Minh (tròn trịa sáng tỏ)
Trong sạch không tỳ vết
Giống như vành trăng đầy

Trong có hình Bản Tôn
Diệu sắc hơn ba Cõi
Thân khoác áo lụa mỏng
Mão báu, bông tóc rũ
Tịch Nhiên Tam Ma Địa
Lửa sáng hơn ánh điện
Giống như trong gương trong
Thăm thẳm hiện chân dung
Mừng giận hiển hình sắc
Nhóm Táo Trì, Dữ Nguyệt
Chính Thọ tương ứng Thân
Tâm sáng tỏ không loạn
Vô Tướng Tĩnh Pháp Thể (Thể của Pháp Thanh tịnh không có Tướng)
Ước nguyện cứu quần sinh
Nhũ Phong (ngón trở ở vú) làm bốn Ấn
Tùy một tác thành tựu
Tu hành đủ sáu tháng
Thần Thông lên xuống nhẹ
An trụ Như Lai Câu
Bày chữ như MINH dưới
Hỏa Sinh Chương Thánh Giả
Vô Động Tôn Chân Ngôn (Như Minh ở quyển Trung)

**NHIẾP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA CÚNG DƯỜNG PHƯƠNG TIỆN NGHI QUỸ
QUYỂN I (HẾT)**

01/01/2001

NHIỆP ĐẠI TỖ LÔ GIÁ NA KINH
ĐẠI BỒ ĐỀ TRÀNG CHỦ TÔN MẬT ẤN TIÊU XÍ
MAN TRÀ LA NGHI QUỸ

QUYỂN II

*Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng của nước Trung Thiên Trúc
THÂU BÀ CA LA (‘Subhakara Simha_ Thiện Vô Úy) phụng chiếu
dịch.*

Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ Bà Nga Noan (Bhagavaṃ - Thế Tôn)

Tỳ Lô Giá Na Phật

Quán sát các Đại Chúng

Bảo Chấp Kim Cương Thủ

Mật Chủ Tát Đỏa rằng:

_ Có Pháp đồng Đại Nhật

Như Lai Trang Nghiêm Cụ

Đồng Pháp Giới Tiêu Xí

Bồ Tát Ma Ha Tát

Do đầy trang nghiêm thân

Ở bên trong sinh tử

Trải qua các lối nẻo

Trần Sát Như Lai Hội

Dùng Đại Bồ Đề này

Kế Đô (Ketu – cây phượng) mà kiến lập

Tiêu xí của Như Lai

Các Trời, Rồng, Dạ Xoa

Tám Bộ lễ từ xa

Nhận Giáo rồi phụng hành

Nay ông hãy lắng nghe!

Ta sẽ diễn nói cho

_ Bí Mật Chủ thỉnh xong

Khi ấy Bà Nga Noan

Liên trụ ở nơi Thân

Tam Muội Vô Hại Lực

Do trụ ở Định ấy

Nói Nhất Thiết Như Lai

Vô Năng Chướng Hạch Thân

Vô Đẳng Tam Lực Minh

Liên nói MINH PHI là:

25. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. A Tam mê, để-lị tam mê, tam ma duệ, Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - ASAME TRISAME SAMAYE
- SVĀHĀ

Kim Cương Bí Mật Chủ!

Minh Phi hay thị hiện

Tất cả Như Lai Địa

Chẳng vượt ba Pháp Giới

Mãn Địa Ba La Mật

Mật Ấn, tay Định (tay trái) Tuệ (tay phải)

Liên Hợp (chấp tay Liên Hoa) dựng hai Không (ngón cái)

Trán, vai, tim, họng, đỉnh

Ấn năm, tụng Minh Phi.

Đây tức là Đại Ấn

Chính Giác Tam Muội Gia

Của chư Phật Cứu Thế

Ở Ấn này mà trụ

_ Tiếp Pháp Giới Sinh Ấn

Nên trụ ở chữ LA (ീ - RA)

Ấn Minh như trước nói

_ Tiếp Chuyển Pháp Luân Ấn

Đế tướng (Chân thành tướng) Chấp Kim Cương

Phong Luân, hạt giống Gió (ീ - HA)

Ấn Minh như Sơ Hội (Hội ban đầu)

Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát

Từ mọi Tam Muội này

Liên vào chữ Vô Sinh (ീ - A)

Trụ Tâm Đại Bồ Đề

Quán Thân như Tát Đỏa

Sắc, tướng Pha Lê biếc (màu thủy tinh xanh biếc)

Trụ ở Yết Ma Luân

Rộng khắp thành vòng lửa (Diễm Man)

Tụng Chân Ngôn bên dưới

Vuông, làm Mạn Trà La (Maṇḍala – Đàn)

Lấy hai khuỷu làm lượng

Khác đây, chẳng tốt lành

Kệ tìm đất như Kinh

Điểm Bạch Đàn làm dấu

Hương hoa phụng hiến khắp

Trước trì Biện Sự Minh

A Xà Lê truyền Pháp

Mới có thể ứng lấy

Tu Đa La năm màu (Chỉ ngũ sắc)
 Cúi lạy tất cả Phật
 Đại Tỳ Lô Giá Na
 Gần gũi, tự gia trì
 Bắt đầu từ phương Đông
 Cầm chỉ đối diện nhau (Đối trì Tu Đa La)
 Ngang rốn giảng trên không
 Dẫn chuyển theo bên phải
 Như vậy Nam rồi Tây
 Cuối cùng ở phương Bắc
 _ Thứ hai, An Lập Giới
 Cũng khởi từ phương đầu
 Nghĩ nhớ các Như Lai
 Di chuyển như trên nói
 Phương phải rồi phương sau
 Lại vòng ở Thắng phương (phương Bắc)
 _A Xà Lê hồi về
 Y ở Niết Li Để (Nṛti – phương La Sát, phương Tây Nam)
 Người Thọ Học đối trì
 Dẫn dần đến phương Nam
 Từ đây nhiều bên phải
 Chuyển y ở Phong phương (Vàyu – phương Tây Bắc)
 Đạo Sư đời Bản xứ
 Đến ngụ ở Hỏa phương (Agni_ Phương Đông Nam)
 Trì Chân Ngôn Hành Giả
 Lại tu Pháp như vậy
 Đệ tử ở Tây Nam
 Thầy ở Y Xá Ni (I’sani – phương Đông Bắc)
 Người Học lại nhiều quanh
 Chuyển y ở Hỏa phương (phương Đông Nam)
 Thầy đời khởi bản xứ
 Đến trụ ở Phong phương (phương Tây Bắc)
 Như vậy Bạc Chân ngôn
 Rộng làm Tướng bốn phương
 Dẫn dần vào trong ấy
 Chia làm ba vị trí
 Biểu thị ba Phần Vị
 Tướng đất rộng vòng khắp
 Lại ở mỗi một phần
 Sai biệt dùng làm ba
 Trong đấy phần Tối Sơ (ban đầu)
 Nơi hành Đạo tác Nghiệp
 Còn lại phần giữa, sau

Trú xứ của Thánh Thiên
Nên biết phân chia đều
Thành Tâm dùng ân trọng
Vận bày các Thánh Tôn
Kiến Đế A Xa Lê
Chính Thọ tạo mọi tướng
Đều đặn khéo phân biệt
Nội Tâm: Sen trắng diệu
Trong Tạng tạo **Nhất Thiết**
Bi Sinh Mạn Trà La
Mười sáu Ương Cự Lê (lượng bằng 16 ngón tay duỗi ra)
Hơn đây làm số lượng
Tám cánh thật tròn đầy
Râu nhụy đều tươi tốt
Trí Ẩn của Kim Cương
Lộ khắp các mặt cánh
Từ trong đài hoa này
Hiện Đại Nhật Thắng Tôn
Màu vàng rờn rực rỡ
Đầu đội mào tóc kết
Cửu Thế Viên Mãn Quang
Ly Nhiệt trụ Tam Muội
Nhóm Bốn Trí bốn Hạnh
Trong tám Bí (8 Ẩn bí mật) diễn nói
Trên Đại Nhật Như Lai
Các quyển thuộc Tam Muội
Từ phương Đông vẽ làm
Tất cả Biến Tri Ẩn
Tam giác trên hoa sen
Màu sắc đều trắng tươi
Ánh lửa vây chung quanh
Trong sáng rộng vòng khắp
Ngọn sắc bén hương xuống
Phật ngồi dưới Đạo Thụ (cây Bồ đề)
Trì đây, giảng Bốn Ma
Nên hiện: Biện Tri Ẩn
Hay đủ nhiều Công Đức
Sinh mọi Tam Muội Vương
Tiếp ở góc phía Bắc (Bắc duy)
Đạo Sư, các Phật Mẫu
Màu vàng rờn lóng lánh
Dùng lụa trắng làm áo
Chiếu khắp như mặt trời

Chính Thọ trụ Tam Muội
Phật Mẫu Hư Không Nhân
Chân Ngôn là:

26. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Nga nga năng phộc la lạc khát-xoa nãi. Nga nga năng sa ma duệ. Tát phộc đồ ỏn-nga đá tị sa la Tam bà duệ. Nhập phộc-la nan ma mục khư năng. Sa phộc-hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - GAGANA VARA LAKṢAṆE
- GAGANA SAMAYE - SARVATA UDGATA ABHISÀRA SAMAYE - JVALA
- NAMO AMOGHÀNÀM - SVÀHÀ

_ Định Tuệ (2 bàn tay) Quy Mệnh Chưởng
Phong (ngón trỏ) vịn gia trên Không (Ngón cái)
Hình ấy như Khế Già (Khaṅga - cây đao)
Đại Tuệ Đao Ấn này
Tất cả Phật đã nói
Hay cắt đứt các Kiến
Là Câu Sinh Thân Kiến
Chân Ngôn là:

27. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Ma ha yết nga vĩ la nhạ. Đạt ma tán nại la-xả ca sa hạ nhạ. Tát ca dã nại-lệ sát-trí tra-duệ nặc ca. Đát tha nghiệt đa, a địa mục khát-để nễ-dực xả đa. Vĩ la nga đạt ma nễ-dực xả đa. Hồng ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - MAHÀ KHAṅGA VIRAJA
DHARMA SAMDAR'SAKA SAHAJA SATKÀJA DRṢṬI CCHEDAKA -
TATHÀGATA ADHIMUKTI NIRJATA _ VIRÀGA DHARMA NIRJATA - HÙM

_ Chắp hai tay giữa rỗng
Co Phong (ngón trỏ) quặp lấy Không (ngón cái)
Hình như đấng Thương Khư ('Saṅkha - vỏ ốc)
Đây, tên là Thắng Nguyệt
Cát Tường Pháp Loa Ấn
Chư Phật, Thầy của đời
Bồ Tát, Đấng Cứu Thế
Đều nói Pháp vô Cấu (không dơ bẩn)
Đến Niết Bàn Tịch Tĩnh
Chân Ngôn là:

28. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Ám ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - AM

_ Chắp hai tay duỗi tán
Giống như Kiện Tra (Ghaṃṭa - cái chuông) trước
Địa (ngón út) Không (ngón cái) đều giữ nhau
Khiến hợp đầu Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa)
Cát Tường Nguyệt Liên Hoa
Chư Phật, Đấng Cứu Thế
Toà Kim Cương Bất Hoại
Giác ngộ gọi là Phật

Bồ Đề cùng Phật Tử
Thấy đều từ đây sinh
Chân Ngôn là:

29. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. A”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - AḤ

_ Hai tay nắm quyền ngoài (Ngoại quyền)
Duỗi Hỏa (ngón giữa), Phong (ngón trỏ) như Câu (móc câu)
Địa (ngón út) Không (ngón cái) đều hợp cứng
Hình như Bạt Chiết La (Vajra – chày Kim Cương)
Kim Cương Đại Tuệ Ấn
Hay hoại Thành (cái Thành) Vô Trí
Đánh thức kẻ say ngủ
Trời, Người chẳng thể hoại
Chân Ngôn là:

30. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Hồng”

☞ NAMAḤ SAMANTA VAJRANĀM - HŪM

_ Hai tay nắm quyền Trong (Nội quyền)
Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) đều hợp cứng
Co Phong (ngón trỏ) giữ nơi Hỏa (ngón giữa)
Hình tựa như Bảo Châu
Ấn này: Ấn Ma Ha (Đại Ấn)
Ấy là Như Lai Đỉnh
Vừa mới kết tác xong
Liên đồng với Thế Tôn
Chân Ngôn là:

31. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Hồng Hồng”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - HŪM HŪM

_ Co tay Tuệ (tay phải) thành quyền
Đặt lóng Phong (ngón trỏ) Tam Tinh
Tên là: Hào Tướng Tạng
Phật thường mãn ước nguyện
Do mới kết Ấn này
Liên đồng Nhân Trung Thắng
Chân Ngôn là:

32. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nãm. A hàm nha”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - AḤ HAM JAḤ

_ Tiếp, trụ Du Già Tọa
Định Tuệ (2 bàn tay) để ngay rốn
Giống tướng ôm bình bát
Đấy tên là Thích Ca
Mâu Ni Đại Bát Ấn
Chân Ngôn là:

33. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Bà”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - BHAḤ

_ Ấn trước duỗi tay Tuệ (Tay phải)

Hướng trên: Thí Vô Úy

Hay ban cho tất cả

Loại chúng sinh: “Vô Úy” (không sợ hãi)

Nếu kết Đại Ấn này

Là Đấng Thí Vô Úy

Chân Ngôn là:

**34. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Tát phộc tha nhĩ ná nhĩ ná. Bội
dã, na xa ná. Sa-phộc hạ ”**

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - SARVATHĀ - JINA JINA -
BHAYA NĀ'SANA - SVĀHĀ

_ Định Tuệ (2 tay) lại như trước

Tuệ (tay phải) rũ xuống Thí Nguyện

Ấn DŨ NGUYỆN như vậy

Bậc Thế Y đã nói

Vừa mới kết Ấn này

Chư Phật mãn ước nguyện

Chân Ngôn là:

**35. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Phộc la ná phộc nhật-la đát-ma
ca. Sa-phộc hạ ”**

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - VARADA VAJRA ATMAKA
- SVĀHĀ

_ Tuệ quyền (Quyền phải) duỗi Phong Luân (ngón trỏ)

Làm hình Tỳ Câu Chi (Bhṛkṣi - nhãn mà y)

Trụ ở Tướng Đẳng Dẫn

Dùng Đại Ấn như vậy

Chư Phật, Đấng Cứu Thế

Khủng bố các điều Chướng

Tùy ý thành Tất Địa

Bởi vì kết Ấn đó

Chúng Ma quân đại ác

Với các điều Chướng khác

Chạy tan, không thể nghi

Đặt đầu Phong (ngón trỏ) Tam Tinh

Chân Ngôn là:

**36. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Ma ha ma la phộc đễ. Nại xa
phộc lộ nạp-bà phệ, ma ha mỗi đát-lị dã. Tỳ-dữu nạp-nghiệt đễ. Sa-phộc hạ ”**

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - MAHĀ BALĀ VATI DA'SA
BALĀ UDBHAVE - MAHĀ MAITRYĀ ABHYUDGATE - SVĀHĀ

_ Tuệ quyền (quyền phải) duỗi Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa)

Phong (ngón trỏ) Địa (ngón út) đề Không Luân (ngón cái)

Đây, tên Nhất Thiết Phật

Thế Y Bi Sinh Nhãn
Tưởng đặt ở Nhãn Giới
Bậc Trí thành mắt Phật
Chân Ngôn là (lúc Quán Đỉnh thì dùng mở mắt)

37. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Nga nga năng phộc la, lạc khát-xoa ninh. Ca lỗ ninh ma gia. Đát tha nghiệt đa chước khát-sô. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - GAGANA VARA LAKṢṆA KARUṆI MAYA - TATHĀGATA CAKṢU - SVĀHĀ

_ Định Tuệ (2 tay) nắm quyền Trong (Nội quyền)

Duỗi Phong (ngón trỏ) hợp đầu tròn

Thắng Nguyên Sách Ấn này

Hoại các loài tạo ác

Bậc Chân ngôn kết Ấn

Hay cột các Bất Thiện

Chân Ngôn là:

38. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nãm. Hê hê ma ha bá xa. Bát-la sa lao niết li-dã. Tát đỏa đà đổ. Vĩ mô ha ca. Đát tha nghiệt đa địa mục Khất-để nễ tá đa. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - HE HE MAHĀ PĀ'SA PRASARA UDĀRYA SATVA DHĀTU VIMOHAKA - TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJATA - SVĀHĀ

_ Định Tuệ (2 tay) hợp thành quyền

Tuệ (tay phải) co Phong (ngón trỏ) như câu (móc câu)

Tên gọi là Câu Ấn

Chư Phật, Đấng Cứu Thế

Triệu Tập ở tất cả

Trụ ở mười Địa Vị

Bậc Bồ Đề Đại Tâm

Với chúng sinh ác tưởng

Tùy triệu đều phó tập

Chân Ngôn là:

39. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. A tát phộc đát-la bát-la để ha đế. Đát tha nghiệt đẳng cử xa. Mạo địa chiết li-gia phả li bố la ca. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - AḤ SARVATRĀ APRATIHAṬE - TATHĀGATA AÑKU'SA BODHICĀRYA PARIPŪRAKA - SVĀHĀ

_ Ấn trước duỗi Hỏa (ngón giữa) co

Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) như móc câu

Gọi là: Như Lai Tâm

Chân Ngôn là:

40. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nãm. Chỉ nhượng nộ nạp-bà phộc. Sa-phộc hạ ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - JÑĀNA UDBHAVA - SVĀHĀ

_ Quyển trước thâu Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)

Duỗi Thủy (ngón vô danh) Như Lai Tề

_ Tức Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh) trước

Duỗi tán, Như Lai Yêu

Hai Ấn đều Trì Minh

Hai Chân Ngôn ấy là:

(Yêu hoặc Nội Phộc Quyển kèm 2 Thủy (ngón vô danh) duỗi hợp)

Như Lai Tề Chân Ngôn

41. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. A một-lị đô nạp-bà phộc. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - AMṚTA UDBHAVA SVĀHĀ

Như Lai Yêu Chân Ngôn

42. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Đát tha nghiệt đa tam bà phộc. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - TATHĀGATA SAMBHAVA - SVĀHĀ

SVĀHĀ

_ Chắp hai tay giữa rỗng

Co Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) vào trong

Thủy (ngón vô danh) hợp Không (ngón cái) cũng vậy

Hợp Địa (ngón út) khiến hơi co

Đây, tên Như Lai Tạng

Chân Ngôn là:

43. “Năng mặc tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ dã. Lam Lam, Lạc Lạc. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ - RAṂ RAṂ _ RAḤ RAḤ - SVĀHĀ

SVĀHĀ

_ Ấn trước tán duỗi Thủy (ngón vô danh)

Tức tên Đại Kết Giới

Tiếp Vô Kham Nhẫn Ấn

Đại Dao Đại Hộ Giả

Liên dùng Ấn Tướng trước

Hỏa (ngón giữa) móc đầu co hợp

Duỗi Phong (ngón trỏ), còn giống trước

Chân Ngôn hai Ấn là:

_ Đại Kết Giới

44. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Lệ lỗ bổ lị vĩ củ lị vĩ củ lệ. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - LELLUPURI VIKULE

VIKULE - SVĀHĀ

_ Vô Kham Nhẫn Đại Hộ Chân Ngôn là:

45. “Năng mặc Tát phộc đát tha nghiệt đế Tệ. Tát phộc bội dã vĩ nghiệt đế tệ. Vĩ thấp-phộc mục khế tệ. Tát phộc tha. Hàm khiếm. La khát-xoa ma ha ma lệ. Tát phộc đát tha nghiệt đa, bôn ni-dã niết tá đế. Hồng Hồng. Đát-la tra, đát-la tra. A vát la để ha đế. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ - SARVA BHAYA VIGATEHYAḤ - VI'SVA MUKHE BHYAḤ - SARVATHĀ - HAM KHAM RAKṢA MAHĀ BALE - SARVA TATHĀGTA PUṆYA NIRJATE - HŪM HŪM - TRAT TRAT - APRATIHAṬE SVĀHĀ

_ Tiếp Minh: Phổ Quang Ấn

Dựa trước, Không (ngón cái) vào Nguyệt (lòng bàn tay)

Mở Phong (ngón trỏ) như phóng quang

_ Chắp tay giữa trống không

Hai Phong (ngón trỏ) giữ cạnh Hỏa (ngón giữa)

Tên Như Lai Giáp Ấn

_ Tiếp Minh: Nhĩ Hã Phộc (Jihva – Như Lai Thiệt)

Dựa Như Lai Giáp trước

Không (ngón cái) đè móng hai Thủy (ngón vô danh)

Nhĩ Ha Phộc Xúc Ấn

Với Xúc Tập Chân Ngôn

_ Ngữ Môn, chắp tay rộng

Co Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) vịn nhau

Kèm hai Không (ngón cái) hơi co

Địa (ngón út) Hỏa (ngón giữa) khiến thành ngọn

Hoặc nói co Địa (ngón út) Thủy (Ngón vô danh)

Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) như ngọn núi

Mở hai Không (ngón cái) phụ đấy

Năm Ấn bốn Chân Ngôn

Mỗi một Chân Ngôn là:

_ Phổ Quang

46. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Nhập-phộc la ma lý nễ. Đát tha nghiệt đa lật-chỉ. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - JVALA MALINI TATHĀGATA ARCI - SVĀHĀ

_ Như Lai Giáp:

47. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Bát-la chiến noa. Phộc nhật-la, nhập-phộc la dã. Vĩ tất-bố la Hồng ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - PRACAṆḌA VAJRA JVALĀYA VISPHURA HŪM

_ Như Lai Thiệt

48. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Đát tha nghiệt đa nhĩ ha-phộc. Tát để-dã đạt ma, bát-la để sắt-xỉ đa. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - TATHĀGATA JIHVA SATYA DHARMA PRATIṢṬITA - SVĀHĀ

_ Như Lai Ngũ

49. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Đát tha nghiệt đa, ma ha phộc khất đát-la. Vĩ thấp-phộc chỉ-nhạ năng ma hộ na dã. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - TATHĀGATA MAHĀ VAKTRA VI'SVA JÑĀNAM - MAHĀ UDAYA - SVĀHĀ

_ Tiếp Nha đồng Ngũ Môn

Phong (ngón trở) co lóng thứ ba

Vào chưởng khiến hợp nhau

_ Biện Thuyết đồng với Nha

Dời Phong Luân (ngón trở) hướng lên

Đặt trên lóng ba Hỏa (ngón giữa)

Chân Ngón hai Ấn là: (Như Lai Nha)

50. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Đát tha nghiệt đa năng sát-tra-la sa la sa ngật-la. Tham bát-la bạc ca. Tát phộc đát tha nghiệt đa vĩ sái dã tham bà phộc. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - TATHĀGATA DAMṢṬRA RASA RASA AGRA SAMPRĀPAKA - SARVA TATHĀGATA VIṢAYA SAMBHAVA - SVĀHĀ

_ Như Lai Biện Thuyết

51. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. A nậu đễ-dã ná-bộ đa. Lộ phả phộc tam ma đá, bát-la phả-đa vĩ thân đà Sa-phộc la. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - ACINTYA ADBHUTA RŪPA VĀK - SAMANTA PRĀPTA VI'SUDDHA SVĀRA - SVĀHĀ

_ Tiếp Minh: Phật Thập Lực

Chấp hai tay giữa rỗng

Co Địa (ngón út) Không (ngón cái) vào chưởng

Trong Nguyệt (lòng bàn tay) cùng hợp lóng

_ Niệm xứ đồng Thập Lực

Co cả hai Không (ngón cái) Phong (ngón trở)

Khiến lóng trên hợp nhau

_ Tiếp bày Khai Ngộ Ấn

Ấn trước, Không (ngón cái) trên Thuỷ (ngón vô danh)

Ngón khác kèm duỗi hợp

_ Phổ Hiền Như Ý Châu

Hủ hợp (chấp tay giữa rỗng) Phong (ngón trở) trên Hỏa (ngón giữa)

_ Từ Thị Ấn giống trước

Co Phong (ngón trở) dưới Hỏa luân (ngón giữa)

Chân Ngón năm Ấn là:

_ Như Lai Trì Thập Lực

52. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Nại xa ma lãng già đạt la. Hồng Tham nhiêm. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - DA'SA BALAMGA DHARA - HŪM SAM JAM - SVĀHĀ

_ Như Lai Niệm Xứ

53. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Đát tha nghiệt đa sa một-lị để. Tát đát-phộc hệ đá tậ nạp-nghiệt đa. Nga nga năng tam ma tam ma. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - TATHĀGATA SMṚTI
SATVA HITA ABHYUDGATA - GAGANA SAMA ASAMA - SVĀHĀ

_ Bình Đăng Khai Ngộ

54. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Tát phộc đạt ma Tam ma đá bát-la bát-đa. Đát tha nghiệt đá nỗ nghiệt đa. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - SARVA DHARMA
SAMANTA PRĀPTA - TATHĀGATA ANUGATA - SVĀHĀ

_ Phổ Hiền Như Ý Châu

55. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Tam mãn đa nỗ nghiệt đa. Vĩ la nhạ đạt ma nễ nhạ đa ma ha ma ha. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - SAMANTA VIRAJA
DHARMA NIRJATA - MAHĀ MAHĀ - SVĀHĀ

_ Từ Thị Bồ Tát

56. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. A nhĩ đan nhạ dã. Tát phộc tát đát-phộc xả dạ nỗ nghiệt đa. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - AJITAM JAYA - SARVA
SATVA Ā'SAYA ANUGATA - SVĀHĀ

_ Lại ở phương Nam kia

Cứu Thế Phật Bồ Tát

Đại Đức Thánh Tôn Ấn

Tên hiệu: Mãn Chúng Nguyên

Chân Đá Ma Ni Bảo

Trụ ở trên sen trắng

Trí Quyền (quyền phải) Phong (ngón trở) trụ my (Tam Tinh)

Hai Ấn Phổ Thông trước

Ba Chân Ngôn ấy là:

57. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Tát phộc tha vĩ ma để. Vĩ chỉ la noa. Đạt ma đà đồ niết-dực nhạ đa. Tam tam ha. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - SARVATHĀ VIMATI
VIKIRĀṆA - DHARMADHĀTU NIRJATA - SAM SAM HĀ - SVĀHĀ

_ Nhất Thiết Chư Phật Tâm

58. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Tát phộc một đà mạo địa Tát đát-phộc. Ngật-lị ná dã nại-lị phệ xả nễ. Năng mặc tát phộc vị nễ. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - AM - SARVA BUDDHA
BODHISATVA HRDAYAM NYĀVE'SANI - NAMAḤ SARVA VIDE - SVĀHĀ

_ Hào Tướng

59. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Phộc la ni phộc phộc bát-la ba-đa Hồng. Sa-phộc hạ ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - VARADE VARA PRĀPTA
HŪM - SVĀHĀ

_ Tiếp, ở Thắng phương (phương Bắc) ấy
Liên Hoa Đại Tinh Tiến
Tự Tại Quán Thế Âm
Hào quang như trăng trong
Thương Khư ('Sañkha – vỏ ốc màu lông lánh) Hoa Quân Na (loại hoa có màu trắng tươi)

Ngồi sen trắng, mỉm cười
Tức hiện Vô Lượng Thọ (Amitayus)
Bên phải: Đại Danh Xưng
Thánh Giả Đa La Tôn (Tàrà Nàtha)

Màu xanh trắng xen lẫn
Trạng người nữ trung niên
Chấp tay cầm sen xanh
Hào quang tròn soi khắp
Sáng rực như vàng ròng
Áo trắng tươi, mỉm cười

_ Tiếp Tả (bên trái) Tỳ Câu Chi (Bhṛkuti)

Tay rũ lần Tràng Hạt
Ba mắt, tóc đỉnh kết
Thân hình như lụa trắng
Màu hào quang không chủ
Vàng, đỏ, trắng cùng vào

_ Tiếp Đắc Đại Thế Chí

Mặc áo màu Thương Khư (màu trắng ónh ánh)

Tay hoa sen Đại Bi

Tốt tươi chưa hé nở

Hào quang tròn vây quanh

_ Minh Phi trụ bên cạnh

Hiệu: Trì Danh Xưng Giả

Tất cả Diệu Anh Lạc

Trang nghiêm thân sắc vàng

Cầm cành hoa tươi đẹp

Tả (tay trái) cầm Bát Dận Ngô (loài hoa ở phương Tây có màu vàng nhạt)

_ Tiếp cận Thánh Đa La

Nên Quán Bạch Xứ Tôn (Paṇḍara vāsini)

Mão tóc, áo thuần trắng

Tay hoa Bát Đàm Ma (Padma – Hoa sen hồng)

_ Ở trước Thánh Giả, làm

Đại Lực Trì Minh Vương

Màu như ánh nắng sớm

Dùng sen trắng nghiêm thân

Hác dịch thành tóc lửa
 Gâm giận lộ răng nanh
 Hiện móng vuốt Thú vương
 Hạ dã ngật li phộc (Hàyagriva – Mã Đầu)
 Nghi quỹ của Thân Tướng
 _ Quyển thuộc Đại Tinh Tiến
 Tiếp nên bày Tám Mật
 Mười ngón mở ngửa ra
 Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự kèm nhau
 Đa La (Tàrà) Nội Xoa Quyền
 Phong (ngón trỏ) như Kim, Không (ngón cái) phụ
 Tỳ Câu Chi (Bhṛkūṭi) Phong (ngón trỏ) giao
 Đại Thế (Mahà Sthamapràpta) hợp Thiên Trí (2 bàn tay)
 Giống như sen chưa nở
 Bạch Xứ (Paṇḍara vàsini) đồng Ấn trước
 Dời Không (ngón cái) Thủy (ngón vô danh) vào Nguyệt (lòng bàn tay)
 Mã Đầu (Hàyagriva) tức Ấn trước
 Co Phong (ngón trỏ) dưới Không Luân (ngón cái)
 Cách nhau như hạt thóc
 Xưng là: Sa ma tha (Samatha)
 Nâng lên, co Phong Luân (ngón trỏ)
 Địa Tạng (Kṣitigarbha) đồng Mã Đầu
 Duỗi Thủy (ngón vô danh) Phong (ngón trỏ) dư Quyền (3 ngón còn lại nắm quyền)

Mỗi một Chân Ngôn là:

_ Quán Âm Liên Hoa Bộ Thượng Thủ

60. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Tát phộc đát tha nghịet đa phộc lộ chỉ đa. Yết lỗ ninh ma dã. La La La Hồng nhạ. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - SARVA TATHÀGATA AVALOKITA KARUṆA MAYA - RA RA RA _ HÙM JAḤ - SVÀHÀ

_ Đa La Tôn

61. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Đa lệ, đa lệ ni. Ca lỗ noa nạp bà phệ. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - TÀRE TÀRIṆI KARUṆA UDBHAVE - SVÀHÀ

_ Tỳ Câu Chi

62. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Tát phộc bà dã đát-la tán nễ. Hồng sa-phả Tra dã. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - SARVA BHAYA TRÀSANI HÙM SPHATYA - SVÀHÀ

_ Đắc Đại Thế

63. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Tam tham hạ. Tát-tha ma bát-la phả-đa. Nhiêm nhiêm sa. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - SAṀ SAṀ HĀ - STHAMA
PRĀPTA - JAṀ JAṀ SAḤ - SVĀHĀ

_ Gia Thâu Đa La (Ya'sodhāra)

64. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Diệm, dã thú đà la dã. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - YAṀ - YA'SODHARĀYA -
SVĀHĀ

_ Bạch Xứ Tôn

65. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Đát tha nghiệt đa vĩ sái dã. Tam bà phê. Bát ná-ma ma lý. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - TATHĀGATA VIṢAYA
SAMBHAVE PADMA MĀLINI - SVĀHĀ

_ Ha Gia Yết Lợi Bà

66. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Hồng Khư năng dã bạn nhạ, sa-phả tra dã. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - HŪM KHADAYA BHAṀJA
SPHAṬYA - SVĀHĀ

_ Địa Tạng

67. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Hạ Hạ Hạ Tố đát nỗ. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - HA HA HA - SUTANU -
SVĀHĀ

_ Đã nói Giới Vực đầu

Phương vị các Tôn xong

Đại Tâm Ma Ha Tát

Nên đến Viện thứ ba

Trong phương Nhân Đà La (Indra – phương Đông)

Trước an Diệm Cát Tường (Maṃju'srì)

Thân tướng màu vàng nghệ (uất kim)

Đỉnh Mào tóc năm Phật

Giống như hình Đồng tử

Tả (tay trái) cầm hoa sen xanh

Trên có Kim Cương Ấn

Ngồi sen trắng, mỉm cười

Diệu tướng, hào quang tròn

Tỏa sáng đầy khắp cả

_ Hữu (bên phải) Quang Vãng Đồng Tử (Jalinì prabha)

Mọi loại anh lạc đẹp

Cầm lưới ngồi sen báu

Mà quán Con Trưởng Phật

_ Tả (bên trái) Vô Cấu Quang Tôn (Vimala prabha)

Trái phải năm Sứ Giả

Ấy là Kế Thiết Ni (Ke'sinì)

Ưu Bà Kế Thiết Ni (UpaKe'sini)
 Chất Đa La (Citrà) Địa Tuệ (Vasu mati)
 Thỉnh triệu (Akarsani), năm Sứ Giả
 Năm loại Phụng Giáo Giả
 Thị Vệ Vô Thắng Trí
 Văn Thù, tay Định Tuệ (2 bàn tay)
 Hợp Hỏa (ngón giữa) để trên Thủy (ngón vô danh)
 Phong (ngón trỏ) Không (ngón cái) như chữ Phộc (VA)
 Hợp khít tựa sen xanh
 Quang võng, Định (tay trái) nắm quyền
 Co Phong (ngón trỏ) như thế móc
 Vô Cấu đồng Ấn trước
 Kèm năm Luân (5 ngón tay) hơi co
 Kế Thiết Ni, Đạo Ấn
 Tuệ Quyền (quyền phải) dựng Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)
 Ưu Bà Thiết ni, Kích (Kích ấn)
 Quyền trước duỗi thẳng Hỏa (ngón giữa)
 Chất Đa như cầm Trượng (cây gậy)
 Địa Tuệ Tràng tay Định (tay trái)
 Thành Quyền duỗi Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)
 Thỉnh Triệu Đồng Tử Ấn
 Tuệ Quyền (quyền phải) Phong (ngón trỏ) như câu (móc câu)
 Ba Tôn, năm Sứ Giả
 Chân Ngôn nhóm Thỉnh Triệu
 _ Văn Thù

**68. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Hệ hệ củ ma la ca. Vĩ mục khất-
 để bát tha địa-thể đa. Sa-ma la, sa-ma la. Bát-la để nhiên. Sa-phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - HE HE KUMÀRA VIMUKTI
 PATHA STHITA - SMARA SMARA - PRATIÑÀM - SVÀHÀ

_ Quang Võng

**69. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Hệ hệ củ ma la mang dã nghịet-
 đa. Sa-phộc bà phộc tất-thể đa. Sa-phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - HE HE KUMÀRA
 MÀYÀGATA SVÀBHÀVA STHITA - SVÀHÀ

_ Vô Cấu Quang

**70. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Hệ củ ma la. Vĩ tức đất-la nga để
 củ ma la. Ma nõ sa-ma la. Sa-phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - HE KUMÀRA VICITRA
 GATI KUMÀRA MANUSMARA - SVÀHÀ

_ Kế Thiết Ni

**71. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Hệ hệ củ ma li kế. Na dã chỉ nễ-
dã nan sa-ma la. Bát-la để nhiên. Sa-phộc hạ ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - HE HE KUMĀRIKE
DAYĀJÑĀNAM SMARA PRATIÑĀM - SVĀHĀ

_ Ưu Bà Thiết Ni

**72. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Tần ná dã chỉ nễ-dã nan. Hệ củ
mang li kế. Sa-phộc hạ ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - BHINDHĀYA AJÑĀNAM -
HE KUMĀRIKE - SVĀHĀ

_ Chất Đa

“Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Nhĩ li. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - MILI - SVĀHĀ

_ Tài Tuệ

73. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Hệ li. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - HILI - SVĀHĀ

_ Địa Tuệ Tràng

**74. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Hệ sa-ma la nhạ năng kế đồ. Sa-
phộc hạ ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - HE SMARA JÑĀNA KETU -
SVĀHĀ

_ Triệu Thỉnh Đồng Tử

**75. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. A yết la-sái dã. Tát noan củ lỗ A
nhiên. Củ ma la tả. Sa-phộc hạ ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - AKARṢĀYA SARVA KURU
AJÑĀM KUMĀRASYA - SVĀHĀ

_ Hành giả ở phương phải

Trước làm Đại Danh Xưng

Trừ Cái Chướng Bồ Tát (Sarva Nirvaraṇa viṣkaṃbhi)

Cầm giữ báu Như Ý

_ Bỏ ở hai phần vị

Nên đặt Tám Bồ Tát

Ấy là Trừ Nghi Quái (Bhanda pàla conama)

Vô Úy (Abhayaṃ dàda) Trừ Ác Thú (Apayaṃ Jaha)

Cứu Hộ (Karunaṃreḍita) Đại Bi Sinh (Maitra Abhyudgate)

Bi niệm, Trừ Nhiệt não (Sarva dàha pra'samita)

Bất Tư Nghị Tuệ Đẳng

_ Trừ Cái, hợp Định Tuệ (chấp hai tay lại)

Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) Không (ngón cái) vào chướng (lòng bàn
tay)

_ Trừ Nghi, Định Tuệ Quyên

Duỗi Hỏa (ngón giữa) co lỏng ba

Tỳ Bát Thí, Vô Úy

Tức tên Vô Úy Ấn

_ Nâng Tuệ (tay phải) duỗi năm Luân (5 ngón tay)
 Là Trừ Ác Thú Ấn
 _ Ấn trước đờ ở Tim
 Tức tên Cứu Hộ Tuệ
 _ Tay Trí (tay phải) dạng cầm hoa
 Đây tức Đại Từ Sinh
 _ Tuệ (tay phải) co Hỏa (ngón giữa) đờ Tim
 Đây tên Bi Niệm Giả
 _ Trừ Nhiệt Não, tay Tuệ (tay phải)
 Dưới tác Thí Nguyệt Ấn
 _ Bất Tư Nghị Tuệ Ấn
 Tuệ (tay phải) Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) giữ nhau
 Dạng Chân Đà Ma Ni (Cintamani – Ngọc Như Ý)
 Tiếp tập chín Chân Ngôn
 _ Trừ Cái

**76. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. A tát đát-phộc hệ đa vĩ-dữu ổn
 nguyệt đa. Đát-lam đát-lam Lam Lam. Sa-phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - AḤ - SATVA HĪTA
 ABHYUDGATE - TRAM TRAM - RAM RAM - SVĀHĀ

_ Trừ Nghi Quái

**77. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Vĩ ma để chế nặc ca. Sa-phộc
 hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - VIMATI CCHEDAKA -
 SVĀHĀ

_ Thí Vô Úy

78. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. A bộ diên ná ná. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - ABHAYAMDĀDA - SVĀHĀ

_ Trừ Ác Thú

**79. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. A bệ đát la ninh. Tát đát-phộc
 đà đôn. Sa-phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - ABHYUDHARAṆI
 SATVADHĀTU - SVĀHĀ

_ Cứu Hộ Tuệ

**80. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Hệ ma hạ ma hạ sa-ma la bát-la
 để nhiên. Sa-phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - HE MAHĀ MAHĀ SMARA
 PRATIÑAM - SVĀHĀ

_ Từ Sinh

**81. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Sa-phộc tái cấu ổn-nguyệt đa. Sa-
 phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - SVACITTA UDGATE -
 SVĀHĀ

_ Bi Niệm

82. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Ca lồ ninh một-lệ ni đa. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - KARUṆA MREḌITA - SVĀHĀ

_ Trừ Nhiệt

83. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Hệ phộc la ná phộc la. Bát-la ba-đa. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - HE VARADA VARAPRĀPTA - SVĀHĀ

- Hành giả ở Thăng phương (phương Bắc)

Địa Tạng Ma Ha Tát

Đất nhiều báu xen lẫn

Bốn báu làm hoa sen

Khéo nghiêm lệ Thai lửa (Diễm Thai)

Thánh Giả ở trong đó

Cùng vô lượng Bồ Tát

Bảo Chưởng (Ratna pāṇi) và Bảo Thủ (Ratna Karḥ)

Trì Địa (Dhirini dharḥ) Bảo Ấn Thủ (Ratnamudra pāṇi)

Với phát Kiên Cố Ý (Dṛḍha dhya'saya)

Ấn đầu, Trí Định Quyền (hai tay nắm quyền)

Mở thẳng hai Hỏa Luân (2 ngón giữa)

_ Bảo Xứ, Tuệ thành quyền (Quyền phải)

Duỗi bung tán ba Luân (ngón út, vô danh, giữa)

_ Bảo Thủ, dùng quyền Trước

Thu ngón khác, duỗi Thủy (ngón vô danh)

_ Định Tuệ (2 tay) cùng hợp lưng

Không (ngón cái) Địa (ngón út) trợ giữ nhau

Đấy là Trì Địa Ấn

_ Dùng Ngũ Cổ Kích Trước

Tức tên Bảo Ấn Thủ

_ Như Kim Cương Kích Trước

Đấy tên Ấn thứ sáu

Mỗi một chân Ngôn là:

_ Địa Tạng

85. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Hạ Hạ Hạ vĩ ma-sa duệ. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - HA HA HA _ VISMAYE - SVĀHĀ

_ Bảo Xứ

86. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Hệ ma hạ ma hạ. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM - HE MAHĀ MĀHĀ - SVĀHĀ

_ Bảo Chưởng

87. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. La đất-nộ ỏn bà-phộc. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - RATNA UDBHAVA - SVĀHĀ

_ Trì Địa

88. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Đà la ni. Đà la. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - DHARAṆI DHARA - SVĀHĀ

_ Bảo Ấn Thủ

89. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. La đất-ná nễ la-nhĩ đa. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - RATNA NIRJATA - SVĀHĀ

_ Kiên Cố

90. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Phộc nhật-la tam bà phộc. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - VAJRA SAMBHAVĀ - SVĀHĀ

_ Lại đến ở Long phương (phương Tây)

Đế quán Hư Không Tạng (ĀKa'sa garbha)

Cần Dững mặc áo trắng

Cầm đao sinh ánh lửa

Nơi Chính Giác sinh con

Cùng với các quyến thuộc

Vô Cấu (Gagana Amala) Hư Không Tuệ (Gagana Mati)

Thanh Tĩnh Tuệ (Vi'suddha Mati) Hành Tuệ (Cārya Mati)

An Tuệ (Mojñagaḥ) xuất hiện Trí

Ấn Liên Hoa cầm chày

Sau, Ba Ấn phổ thông

Như vậy các Bồ Tát

Trái phải nên an bày

Ấn đầu, hợp Phước Trí (chấp hai tay lại)

Phong (ngón trỏ) ở lóng trên Hỏa (ngón giữa)

Hai Không (2 ngón cái) vào trong Nguyệt (lòng bàn tay)

_ Ấn tiếp, Phong (ngón trỏ) đè Không (ngón cái)

Hợp Định Tuệ (2 bàn tay) bằng nhau

_ Tiếp ba, Hư Không Tuệ

Ấn dùng Chuyển Pháp Luân

_ Tiếp bốn, dùng Thương Khư ('Sañkha – Loa Ấn)

_ Hành Tuệ hợp hai Vũ (hai bàn tay)

Ngửa sáu ngón như sen (2 vô danh, 2 giữa, 2 trỏ)

_ An Tuệ đồng Văn Thù

Tám Ấn với Chân Ngôn

Thứ tự mà xưng tụng

Mỗi một Chân Ngôn là:

_ Hư Không Tạng

91. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. A ca xá tam mãn đa nỗ nghiệt đa. Vĩ tức đất-lam phộc la đạt la. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - ÀKA'SA SAMANTA ANUGATE VICITRÀM VARA DHARA - SVÀHÀ

_ Vô Cấu

92. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Nga nga năng nan đa ngu tả la. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - GAGANA ANANTA GOCARA - SVÀHÀ

_ Hư Không Tuệ

93. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Tác ngật-la phộc li-để. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - ÇAKRA VARTTI - SVÀHÀ

_ Thanh Tịnh Tuệ

94. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Đạt ma Tam bà phộc. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - DHARMA SAMBHAVA - SVÀHÀ

_ Hành Tuệ

95. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Bát đàm-ma la dã. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - PADMA ALAYA - SVÀHÀ

_ An Trụ Tuệ

96. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Nhạ nỗ ỏn-bà phộc. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - JÑANA UDBHAVA - SVÀHÀ

_ Xuất Hiện Trí

97. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Phộc nhật-la Tất-thể la một đệ. Bớ la-phộc phộc đất-ma mãn đất-la. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - VAJRA STHIRA BUDDHEḤ - PURVÀTMA MANTRA SARA - SVÀHÀ

_ Liên Hoa

98. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Câu phộc lệ dã. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - KUVALEYA - SVÀHÀ

_ Cấp Xử (cầm chày)

99. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Phộc nhật-la ca la. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - VAJRA KARA - SVÀHÀ

_ Tiếp bên phải Đài Hoa

Phương trái của Đại Nhật

Năng Mãn Nhất Thiết Nguyên

Trì Kim Cương Tuệ Giả

Màu hoa Bát Dựng Ngộ (màu vàng nhạt)

Hoặc như báu xanh lục (Lục Bảo)
 Đầu đội mào trên bảo
 Anh lạc trang nghiêm thân
 Xen lẫn cùng tô điểm
 Số rộng nhiều vô lượng
 Tả (tay trái) cầm Bạt Chiết La (Vajra - chày Kim Cương)
 Chung quanh tỏa ánh lửa
 _ Bên phải Kim Cương Tạng (Vajra Garbha)
 Bộ Mẫu Mang Mãng Kê (MaMaKi)
 Cũng cầm chày Kiên Tuệ
 Dùng Anh lạc nghiêm thân
 _ Bên trái (Mamaki) Kim Cương Châm (Vajra Suci)
 Chúng Sứ Giả vây quanh
 Mỉm cười cùng chiêm ngưỡng
 _ Tiếp phải, Thương Yết La ('Sankara)
 Cầm cái khóa Kim Cương
 Cùng các Sứ Tự Bộ
 Thân tướng màu vàng lợt
 Chày Trí làm Tiêu Xí (vật biểu tượng)
 _ Tiếp ở dưới Mãn Nguyên
 Phần Nộ Giáng Tam Thế (Krodha Trailokya Vijaya)
 Hiệu là Nguyệt Yểm Tôn
 Ba mắt lộ nanh bén
 Màu mây mưa mùa hạ
 Báu Kim Cương, Anh lạc
 Tiếng cười A Tra Tra
 Nhiếp hộ mọi chúng sinh
 Vô lượng chúng vây quanh
 Cho đến trăm ngàn tay
 Cầm nắm mọi khí giới
 Nhóm Phần Nộ như vậy
 Đều trụ trong Hoa Sen
 Phương Nam Hội Mãn Nguyên
 Năm Đại Trì Minh Vương
 _ Ấn đầu Nội Xoa Quyền
 Dựng Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) như Câu
 Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự kèm nhau
 Bộ Mẫu, Địa (ngón út) Không (ngón cái) nhập (ở bên trong)
 Còn lại đều giống trước
 Ngoại phộc (cài buộc bên ngoài) dựng Phong Luân (ngón trỏ)
 Kim Cương Châm Mật Khế
 Tỏa Khế, tay Thiên Trí (2 bàn tay)
 Móc ngược hướng Thân buộc

Duỗi Định Trí (ngón cái trái) để trên
Nguyệt Yểm: Không (ngón cái) phụ Phong (ngón trỏ)
Kèm duỗi chằng dính nhau
Mỗi một Chân Ngôn là:

Kim Cương Thủ Bồ Tát là Thượng Thủ của Kim Cương Bộ

**100. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Phộc. Phộc nhật-la bá ni.
Chiến noa ma hạ lộ sái noa. Hồng. Sa-phộc hạ”**

☞ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - VAḤ - VAJRAPĀṆI CAṆḌA
MAHĀ ROṢAṆA - HŪM - SVĀHĀ

101. Mang Mãng Kê

**“Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Đát-lật Tra, đát-lật Tra. Nhạ
diễn đề. Sa-phộc hạ”**

☞ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - TRĪṬA TRĪṬA JAYATI -
SVĀHĀ

_ Kim Cương Châm

**102. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Tát phộc đạt ma nễ lật-
phệ đạt nễ. Phộc nhật-la Tố nhĩ, phộc la nê. Sa-phộc hạ”**

☞ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - SARVA DHARMA
NIRVEDHANI - VAJRA SUCI VARADE - SVĀHĀ

_ Kim Cương Tỏa

**103. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Hồng, mãn đà, mãn đà đã.
Mộ tra mộ tra đã phộc nhật-lỗ nạp-bà phệ. Tát phộc đát-la bát-la đề hạ đa. Sa-
phộc hạ”**

☞ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - HŪM - BANDHA BANDHĀYA
- MOṬA MOṬĀYA - VAJRA UDBHAVE - SARVATRĀ APRATIHATE -
SVĀHĀ

_ Nguyệt Yểm

**104. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Hiệt-li, Hồng, phả tra. Sa-
phộc hạ”**

☞ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - HRĪM HŪM PHAṬ - SVĀHĀ

_ Tiếp ở phương Tây kia

Dưới Đại Nhật Như Lai

Vô lượng Trì Kim Cương

Sắc hình đều khác biệt

Ấy là các Phụng Giáo

Tay Thiên Trí (2 bàn tay) nắm Quyển

Hai Phong (ngón trỏ) co lỏng trên

Kim Cương Quyển như tên

Đặt Tim, tập Minh Cú

_ Trì Địa, tay Định Tuệ (2 bàn tay)

Cài ngược đều dính nhau

Địa (ngón út) Không (ngón cái) để lên nhau

_ Nhất Thiết Kim Cương Trì
 Giống Khế Trì Địa trước
 Tất cả vị Phụng Giáo
 Phước Trí Quyền như trên
 Các Kim Cương như trên
 Sắc hình đều khác biệt
 Tỏa hào quang tròn khắp
 Ở dưới Chân Ngôn Chủ
 Y phương Niết Ly Để (Nṛti – phương Nam)
 Bất Động Như Lai Sứ
 Tuệ (tay phải) Dao, Định (tay trái) sợi dây
 Đỉnh tóc rũ vai trái
 Nheo một mắt quán sát
 Thân uy nộ rực lửa
 Trụ ở bàn đá báu
 Vần trán dợn như sóng
 Thân Đồng Tử khỏe mạnh
 Bạc Cự Tuệ như vậy
 Trì Ấn bày Chủng tử (Bija)
 Mười chín phộc thành Thân
 Tất cả Trời, Tô Lạc (Asura)
 Không dám nhìn thẳng vào
 _ Phong phương (phương Tây Bắc) Phần Nộ Tôn
 Ấy là Thắng Tam Thế
 Lửa uy mãnh vây quanh
 Mão báu, cầm Kim Cương
 Chủng tử, chuyển Trăm tám (108)
 Mà thành Thân Phần Nộ
 Chẳng tiếc bỏ Thân Mệnh
 Chuyên cầu thỉnh, thọ Giáo
 Bất Động Ấn như trên
 Tam Thế Thắng giống trên
 Kim Cương Tuệ Nguyệt Yểm
 Chân Ngôn Chủ, Quyển Thuộc
 Bảy Đại Kim Cương Sứ
 Mỗi một Chân Ngôn là:
 _ Phụng Giáo

105. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. A vĩ sa-ma dã ninh duệ. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - AVISAMAYA NIYE - SVĀHĀ

_ Kim Cương Quyền

106. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Tát-phả Tra, dã. Phộc nhật-la Tam bà phệ. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - SPHAṬĀYA VAJRA SAMBHAVE - SVĀHĀ

_ Trì Địa

107. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Đát la ni đà la. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - DHARAṆI DHĀRA - SVĀHĀ

_ Nhất Thiết Trì Kim Cương

108. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Hồng Hồng Hồng, phả Tra, phả Tra. Nhiệm Nhiệm. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - HŪM HŪM HŪM _ PHAṬ PHAṬ PHAṬ - JAM JAM - SVĀHĀ

_ Nhất Thiết Phụng Giáo

109. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Hệ Hệ, chỉ nhĩ la dã tế. Ngật-lị hận-noa, Ngật-lị hận-noa. Khư năng, Khư năng. Bát-lị bố la dã. Tát phộc chỉ ca la nản. Tát phộc bát-la đề vĩ nhiên. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - HE HE KIMCĪRAYASI - GRḤṆA GRḤṆA - KHĀDA KHĀDA - PARIPŪRAYA - SVĀPRATIVIJÑĀM - SVĀHĀ

_ Bất Động

110. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Chiến noa, ma hạ lộ sái noa. Sa-phả tra dã. Hồng. Đát-la tra. Hám Hàm. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - CAṆḌA MAHĀ ROṢAṆA SPHAṬĀYA HŪM TRĀṬ - HÀM MĀM - SVĀHĀ

_ Thắng Tam Thế

111. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Hạ Hạ Hạ. Vĩ sa-ma duệ. Tát phộc đát tha nghiệt đa vĩ sái dã Tam bà phộc. Đát-lạt lộ chỉ-dã vĩ nhạ dã. Hồng nhạ . Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - HA HA HA VISMAYE - SARVA TATHĀGATA VIṢAYA SAMBHAVA - TRAILOKYA VIJAYA - HŪM JAḤ - SVĀHĀ

_ Phương Đông, trong cửa đầu

Thích Ca ngồi sen trắng

Băm hai (32 Tướng tốt) màu vàng tía (Tử Kim sắc)

Y phục, áo cà sa

Làm Giáo lệnh lưu bố

Trụ ở đây nói Pháp

Chúng Tam Muội vây quanh

_ Tiếp, bên phải Mâu Ni

Hiện thị Biến Tri Nhân

Tướng vui tươi mỉm cười

Khắp thể, sáng tròn sạch
 Vui nhìn Thân Vô Tỷ (Không thể so sánh)
 Tên là Năng Tịch mẫu
 _ Lại bên phải Thế Tôn
 Đặt ở Hào Tướng Minh
 Trụ hoa Bát Đầu Ma (Padma – Hoa sen hồng)
 Viên quang (Hào quang tròn) màu Thương Khư (màu trắng lóng lánh)
 Chăm giữ báu Như Ý
 Mãn túc mọi ước nguyện
 Ánh sáng Đại Tinh Tiến
 Thích Sư Tử Cứu Thế
 _ Bên trái năm Phật Đỉnh
 Bạch Tản, Thắng, Tối Thắng
 Hỏa Quang Tụ, Trừ Chướng
 Thích chủng (hạt giống của Thích Ca) của Đại Thừa
 Lại bên trái Hào Tướng
 Đặt để ba Phật Đỉnh
 Quảng Đại, Cực Quảng Đại
 Cùng với Vô Biên Thanh
 Cần phải ở nơi ấy
 Tinh Tiến một lòng tạo
 Năm Trước: Trắng, Vàng, Vàng (vàng ròng)
 Tiếp ba: Trắng, Vàng, Đỏ
 Quyển thuộc của Thích Ca
 Mười hai Đại Sĩ Ấn
 Mâu Ni: Tướng Thuyết Pháp
 Tay Trí (tay phải) Ấn Cát Tường
 Mẫu Ấn đồng Phật Đỉnh
 Gọi khác: Kim Cương Tiêu
 _ Hào Tướng: Trí Quyền (quyền phải) chắc
 Phụng Tiến (lóng tay của ngón trở) đặt trên My (Tam Tinh)
 _ Bạch Tản: dựng Tuệ Phương (ngón trở phải)
 Định chướng (lòng bàn tay trái) che như lọng
 _ Thắng Đỉnh: Dao Ấn trước
 _ Tối Thắng Ấn đồng Luân
 _ Hỏa Tụ đồng Phật Đỉnh
 _ Xả Trừ: Trí thành Quyền (Quyền phải)
 Cong Phong (ngón trở) như móc câu
 _ Quảng Đại, Phát Sinh Đỉnh
 Cùng dùng Liên Hoa Ấn
 _ Cực Quảng, phát sinh Đỉnh
 Ấn Ngũ Cổ Kim Cương
 _ Thủy (ngón vô danh) vào, Thiên Trí (2 ngón cái) hợp

Co Phong (ngón trỏ) giữ giữa Hỏa (ngón giữa)
Trên lóng dưới một mạch (hạt lúa mì)
_ Vô Biên Âm Thanh Đỉnh
Thân Ấn đồng Thương Khư (‘sankha – loa)
_ Nhất Thiết Phật Đỉnh Ấn
Tay Tuệ (tay phải) chụm 5 ngón (đầu ngón tay)
Đặt ngay trên đỉnh đầu
Mỗi mỗi Chân ngôn là:
_ Thích Ca

112. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Tát phộc khất-ly xả nễ Tố nại năng. Tát phộc đạt ma phộc đa. Bát-la ba-đa nga nga năng Tam ma Tam mê. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - SARVA KLE’SA
NIRSUDANA - SARVA DHARMA VA’SITĀḤ PRĀPTA GAGANA - SAMA
ASAMA - SVĀHĀ
_ Phật Mẫu

113. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Một đà lộ tả nễ phộc nỗ la ma, đạt ma tam bà phộc, vĩ ca năng Tam tham. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - BUDDHA LOCANI
VARURAMA DHARMA SAMBHAVA VIKANA _ SAM SAM - SVĀHĀ
_ Hào Tướng

114. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Ác ngân nhạ. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - AḤ HAṀ JAḤ - SVĀHĀ
_ Bạch Tản

115. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Lam. Tát đất đa bát đất-la, ô sắt nê sái. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - LAṀ - SITĀTAPATRA
UṢṆĪṢA - SVĀHĀ
_ Thắng Đỉnh

116. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Chiêm nhạ dữu, ổ sắt ni sái. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - ‘SAM - JAYA UṢṆĪṢA -
SVĀHĀ
_ Tối Thắng

117. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Thi đài vĩ nhạ dữu ổ sắt ni sái. Sa-phộc hạ ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - ‘SĪSI - VIJAYA UṢṆĪṢA -
SVĀHĀ
_ Hỏa Tự

118. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Đất-lãng-ÁN, đế nho la thi, ổ sắt ni sái. Sa-phộc hạ ”

↪ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - TRÌM - TEJORA'SI UṢṆĪṢA
- SVĀHĀ

_ Xả Trừ

119. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Hạ-lỗ-án, vĩ chỉ la noa, bán tổ ô sắt ni sám. Sa-phộc hạ”

↪ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - HRÙM - VIKIRANA PAMCA UṢṆĪṢA - SVĀHĀ

_ Cực Quảng

120. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Tra-lỗ-án ô sắt ni sám. Sa-phộc hạ”

↪ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - TRÙM - UṢṆĪṢA - SVĀHĀ

_ Quảng Đại

121. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Thất-lỗ-án ổ sắt ni sám. Sa-phộc hạ”

↪ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - 'ṢRÙM - UṢṆĪṢA - SVĀHĀ

_ Vô Biên Âm

122. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Hồng nhạ dữ, ô sắt ni sám. Sa-phộc hạ”

↪ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - HÙM JAYA UṢṆĪṢA - SVĀHĀ

_ Nhất Thiết Phật Đỉnh

123. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Noan noan noan. Hồng Hồng Hồng. Phát-tra. Sa-phộc hạ”

↪ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - VAM VAM VAM - HÙM HÙM HÙM - PHAṬ - SVĀHĀ

_ Tiếp ở nơi Thắng phương (phương Bắc)

An bày chúng Tĩnh Cư

Tự Tại cùng Phổ Hoa

Quang Man với Ý Sinh

Tên gọi Đẳng Viên Văn

Đều theo thứ tự ấy

Tay Tuệ (tay phải) nâng gò má

_ Phổ Hoa, như Tự Tại

Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) sai lệch khác

_ Quang Man Ấn như trước

Sửa Không (ngón cái) ngay trong chưởng

_ Mãn Ý Sinh Thiên Tử

Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) như cầm hoa

_ Biến Âm Thanh Thiên Ấn

Trí (tay phải) Không (ngón cái) để trên Thủy (ngón vô danh)

Duỗi che Tuệ Nhĩ môn (lỗ tai trái)

Năm Thiên và Quyển Thuộc

Thứ Tự Tập Chân ngôn

_ Tự Tại Thiên

**124. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. ÁN. Bá la nễ đát-ma la để tỳ-
dược. Sa-phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀÑAM - OM - PURANITMA
RATIBHYAḤ - SVÀHÀ

_ Phổ Hoa

**125. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Ma nỗ la ma, đạt ma, Tam bà
phộc. Ca thác ca thác năng. Tam tham mang sai nê. Sa-phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀÑAM - MANORAMA DHARMA
SAMBHAVA - KATHÀ KATHÀNA - SAM SAM MABHANE - SVÀHÀ

_ Quang Man

126. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Tả đồ ồ-xá tả nan. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀÑAM - JATUYASYANA - SVÀHÀ

_ Mãn Ý Sinh Thiên Tử

**127. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. A Án khá ninh xỉ Tỳ-dược. Sa-
phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀÑAM - A - OM HANAṬÌ - SVÀHÀ

_ Biến Âm Thanh Thiên

**128. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. ÁN. A bà sa-phộc lệ Tỳ-dược.
Sa-phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀÑAM - OM - ABHASVÀREBHYAḤ
- SVÀHÀ

_ Hành giả, góc Đông Nam

Tạo làm Tượng Hỏa Tiên

Trú ở trong lửa mạnh

Ba điểm tro, tiêu biểu

Sắc thân đều đỏ thẫm

Tim đặt Ấn Tam Giác

Tạo làm trong tóc lửa

Tuệ (tay trái) châu, Định (tay phải) Táo Bình

Chưởng Ấn, Định (tay trái) cầm Trượng (cây gậy)

Ngồi trên lưng Dê Xanh

Phi Hậu hầu hai bên (phải, trái)

Phộc Tư Sắt Xá Tiên (Vasiṣṭa Rṣi)

Với các Tiên chúng khác

Dùng để làm quyến thuộc

Phương Trái, Diêm Ma Vương (Yama Ràja)

Tay giữ Ấn Đàn Noa (Daṇḍa - Quyền Trượng)

Ngồi trên lưng con trâu

Màu mây đen chớp loé

Bảy Mẫu cùng Hắc Dạ

Tử Hậu Phi (Vợ của Tử Thần) vây quanh

Phán Quan, các Quỷ thuộc

Hàng Quyển Thuộc vây quanh
_ Hỏa Thiên, Thí Vô Úy
Đại Không (ngón cái) ngang trong chưởng
Thỉnh Triệu, Tuệ Phong (ngón trỏ phải) câu (móc câu)
Năm Khế mở số biến
Diêm Ma, hợp Phước Trí (2 bàn tay)
Địa (ngón út) Không (ngón cái) vào trong Nguyệt (lòng bàn tay)
Bảy Mẫu, Tam Muội Quyền (Quyển trái)
Rút Không (ngón cái) Kiên Chùy Ấn
Ám Dạ đồng Ấn trước
Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) đều kèm duỗi
Diêm Ma Hậu Phi, Đạc (cái mõ)
Tay Tuệ (tay phải) rữ năm Luân (2 ngón tay)
Giống như tướng Kiện Tra (Ghamṭa - cái chuông)
Mỗi Chân ngôn ấy là:
_ Hỏa Thiên

129. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. A nghi-năng duệ. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆAMA - AGNĀYE - SVĀHĀ

_ Phi Hậu

130. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. A khởi nễ duệ. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆAMA - AGNĪYE - SVĀHĀ

_ Phộc Tư Tiên

131. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Phộc tử sắt-xá lật sam. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆAMA - VA’SIṢṬA ṚṢIM - SVĀHĀ

_ A Diệt Lị Tiên

132. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Ác đễ-la dã, ma hạ lật-sam. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆAMA - ATREYA MAHĀ ṚṢIM - SVĀHĀ

_ Kiều Đáp Ma

133. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Bà-lị Thâu đát-ma ma hạ lật-sam. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆAMA - BHRĠGOTAMA MAHĀ ṚṢIM - SVĀHĀ

_ Nghiệt Lật Già

134. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Kiều đáp-ma ma hạ lật-sam. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆAMA - GOTAMA MAHĀ ṚṢIM - SVĀHĀ

_ Diêm Ma Thiên

135. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Phê phộc sa-phộc đa dã. Sa-phộc hạ ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAMA - VAIVASVATĀYA - SVĀHĀ
_ Thất Mẫu

136. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Ma đát-lị Tỳ dước. Sa-phộc hạ ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAMA - MĀTRBHYAḤ - SVĀHĀ
_ Âm Dạ

137. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Ca la la đát lị duệ. Sa-phộc hạ ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAMA - KĀLARĀTRĪYE - SVĀHĀ
_ Phán Quan

138. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Chỉ đát-la ngu bát-đa dã. Sa-phộc hạ ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAMA - CITRA GUPTĀYA - SVĀHĀ
_ Niết Lị Đế Quỷ Vương (Nṛti Rāja)

Hiệu là Đại La Sát

Cầm đao, hình đáng sợ

Thân ấn đồng Yết Nga (Khaṅga – Đao Ấn)

Các Lạc Sát sa (Rākṣasa) ấy

Hủ hợp (chắp 2 tay giữa rộng) Thủy (ngón vô danh) vào chưởng

Dựng Phong (ngón trở) giao Không (ngón cái) Hỏa (ngón giữa)

Mỗi Chân Ngôn ấy là

_ La Sát Chủ

139. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. La-khất-sát sa địa bả đa duệ. Sa-phộc hạ ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAMA - RĀKṢASA ADHIPATAYE - SVĀHĀ

_ Sát Tư

140. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Lạc khất-xoa sa. Nga ni nhĩ. Sa-phộc hạ ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAMA - RĀKṢASI GANIPI - SVĀHĀ
_ Tương Hưởng

141. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Ngật-la ca lệ. Sa-phộc hạ ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAMA - KRA KARE - SVĀHĀ
_ Chúng

142. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Lạc khất-xoa tế Tỳ-dước. Sa-phộc hạ ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAMA - RĀKṢASEBHYAḤ - SVĀHĀ
_ Long phương (phương Tây) Phộc Lỗ Noa (Varuṇa – Thủy Thiên)

Cửa Tây cầm sợi dây

Hình Trời dáng nữ nhân

Ngồi trên Rùa Long Quang

Trong cửa: Trước, trái, phải

Phần Nộ Vô Năng Thắng
 Đối A Tỳ Mục Khư (Abhimukha – Hiện Tiền)
 Đại Hộ trong gian quẹo (gian phòng nhỏ ở khúc quanh)
 Trì Minh Đại Phần Nộ
 Tiếp Hữu (bên phải) Vô Năng Thắng
 Tiếp tả (bên trái) Vô Thắng Phi
 Nan Đồ Bạt Nan Đồ (Nanda, Upananda)
 _ Phương Tây, các Địa Thần (Pṛthiviye Devatà)
 Biện Tài (sarasvati) với Tỳ Nữu (Viṣṇu)
 Tắc Kiến Năng (skanda), Phong Thần (Vàyu Devatà)
 Thương Yết La (‘Saṅkara), Nguyệt Thiên (Candra Deva)
 Nhóm ấy y Long phương (Phương Tây)
 Hành giả Trì Chân Ngôn
 Dùng Tâm chẳng mê hoặc
 Đặt để dừng sót lằm
 Các Thích Chủng còn lại
 Cà Sa với Tích Trượng
 Thầy nên khai thị đủ
 Hình Tam Muội, khác màu
 _ Quyển Sách (sợi dây) Nội Phộc Quyền
 Rút Phong (ngón trở) hợp tròn đầu
 _ Địa Thần, tay Phước trí (2 bàn tay)
 Tám Độ (8 ngón tay) hợp tròn đầu
 Hai Không (2 ngón cái) phụ như lọng
 _ Biện Tài tức Diệu Âm
 Tuệ Phong (ngón trở phải) giữ ở Không (ngón cái)
 Hưởng Thân đưa qua lại
 Vận động như tấu nhạc
 Thiên ấy, Phí Noa Ấn
 _ Tỳ Nữu tức Na Diên (Nàrayaṇa)
 Tam Muội (tay trái) Không (ngón cái) vịn Phong (ngón trở)
 Dùng dây, làm sai khác
 Tiếp, bên phải Thủy Thiên
 Tắc Kiến Phiên Đồng Tử
 Ba đầu cỡi chim Công (Khổng Tước)
 Thương Yết La, Kịch Ấn
 Định (tay trái) Không (ngón cái) đặt lên Địa (ngón út)
 Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trở) Thủy (ngón vô danh) hình Kịch (cây kịch)
 Hậu Ấn, Không (ngón cái) giữ Địa (ngón út)
 Phi Ấn mở 3 Luân (2 ngón tay)
 Tiếp phía Nam cửa Tây
 Quyển thuộc của Nguyệt Thiên
 Hai mươi tám Tú Thần

Nhóm Cung Thần vây quanh
 _ Nguyệt Thiên cỡi Hạc Trắng
 Thân Ấn, tay Tam Muội (tay trái)
 Không (ngón cái) đặt ở trên Thủy (ngón vô danh)
 Nhân tác Khiết Bạch Quán (quán sát trắng tinh khiết)
 Tất cả Tú Diệu Ấn
 Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chưởng) Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) giao
 _ Tức trong phòng queo trước
 Vô Thắng (Vô Năng Thắng) Tam Muội Quyền (quyền trái)
 Nâng giúp mở bung Luân (ngón tay)
 Trí Quyền (quyền phải) duỗi Tuệ Phong (ngón trở phải)
 Giống như thế Tương Nghĩ (Cùng tính toán)
 Đối nhau nâng Tuệ Quyền (quyền phải)
 Dạng như thế đánh nhau
 Tức A Tỳ Mục Khư (Abhimukha)
 Tiếp ngoài, Thắng với Phi
 Trí (tay phải) giữ Liên (hoa sen) tại tim
 Duỗi Định (tay trái) hướng ngoài chĩa
 Tức tên Vô Năng Thắng
 _ Tiếp bày Thắng Phi Ấn
 Thiên Trí (2 tay) trong nắm quyền
 Co Không (ngón cái) như cái miệng
 _ Hai Rồng Tả Hữu quyền (quyền trái, quyền phải)
 Hỗ trợ đề lên nhau
 _ Phộc Dữu (Vàyu – Phong Thiên) Phong Thiên Tràng (cây phướng)
 Trí quyền (quyền phải) dựng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)
 Cùng quán làm Phong Tràng (cây phướng gió)
 Tất cả các quyền thuộc
 Vây chung quanh Phong Thiên
 Mỗi Chân Ngôn ấy là:

**143. “Năng mạc Tam mãn đa một đà năm. A bá phả đa duệ. Minh già xả
nễ duệ. Sa-phộc hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀÑAMA - APAMA PATAYE MEGHÀ
‘SANIYE - SVÀHÀ

_ Địa Thân

144. “Năng mạc Tam mãn đa một đà năm. Phả-lị Thễ vĩ duệ. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀÑAMA - PṚTHIVÌYE - SVÀHÀ

_ Diệu Âm

**145. “Năng mạc Tam mãn đa một đà năm. Sách la sa-phộc đế duệ. Sa-phộc
hạ”**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀÑAMA - SARASVATÌYE - SVÀHÀ

_ Na La Diên

- 146. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Vĩ sắt-noa phệ. Sa-phộc hạ ”**
 ⇨ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - VIṢṆAVI - SVÀHÀ
 _ Hậu
- 147. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Vĩ sắt-noa nhĩ. Sa-phộc hạ ”**
 ⇨ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - VIṢNEVI - SVÀHÀ
 _ Nguyệt Thiên
- 148. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Chiến nại-la đã. Sa-phộc hạ ”**
 ⇨ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - CANDRÀYA - SVÀHÀ
 _ Nhất Thiết Tú Diệu
- 149. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Nặc ngật-xoa đát-la, nễ ná nễ duệ. Sa-phộc hạ ”**
 ⇨ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - NAKṢATRA NIRJA DANĪYE
 - SVÀHÀ
- _ Tương Đối Thắng
- 150. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Nột đật li-sái, ma ha lỗ sái noa. Khư ná đã. Tát noan tát đát tha nghiệt đa nhiên củ lỗ. Sa-phộc hạ ”**
 ⇨ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆAM - DURDHAṢA MAHÀ ROṢAṆA KHADAYA - SARVA TATHÀGATA JÑAM KURU - SVÀHÀ
 _ A Tỳ Mục Khư
- 151. “Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nản. Hệ A tỳ mục khư, ma hạ bát-la chiến noa. Khư ná đã, khấn thị la đã tử, tam ma đã, ma nễ sa-ma la. Sa-phộc hạ ”**
 ⇨ NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆAM - HE ABHIMUKHA MAHÀ PRACAṆḌA - KHADAYA KIMCIRAYASI SAMAYA MANUSMARA - SVÀHÀ
 _ Ngoại Thắng và Phi
- 152. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Hồng địa-lãng, địa-lãng, lãng lãng , nhật-lãng, nhật-lãng. Sa-phộc hạ ”**
 ⇨ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - HUM _ DHRIM DHRIM _ RIM RIM _ JRIM JRIM - SVÀHÀ
 _ Phi
- 153. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. A bát-la nhĩ đế. Nhạ diễn đề đát ni đế. Sa-phộc hạ ”**
 ⇨ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - APRÀJITE JAYAMTI TÀḌITE - SVÀHÀ
 _ Nhất Long
- 154. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Nan năng đã. Sa-phộc hạ ”**
 ⇨ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - NANDÀYA - SVÀHÀ
 _ Nhị Long
- 155. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Ổ ba nan na đã. Sa-phộc hạ ”**
 ⇨ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - UPANANDÀYA - SVÀHÀ

_ Phong Thiên

156. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Phộc dã phệ. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - VĀYAVE - SVĀHĀ

_ Tiếp ở nơi Thắng phương (phương Bắc)

Cửa Bắc, Đa Văn Thiên

Trái, phải tám anh em

Mẫu với hàng Tổ Mẫu

Cát Tường Công Đức Thiên

Vạn Thắng Độc Mãnh Kiện

Hàng quyền thuộc nam nữ

Đa Văn Thân Mật Ấn

Trí Định (2 bàn tay) hợp giữa rỗng (Hư Tâm hợp chưởng)

Hai Địa (2 ngón út) vào chưởng giao

Dựng Không (ngón cái) trụ cạnh Phong (ngón trỏ)

Một thốn chẳng chạm nhau

Chân ngôn là:

157. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Phệ thất-la phộc noa dã. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - VAI’SRAVAṆĀYA - SVĀHĀ

Tiếp Tả (bên trái) Đại Dược Xoa

Định Tuệ (2 tay) Nội Xoa Quyền

Dựng Thủy (ngón vô danh) co hai Phong (2 ngón trỏ)

_ Nhất Thiết Dược Xoa Nữ

Ấn trước duỗi hỏa Luân (ngón giữa)

Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự giữ nhau

_ Giá Văn Trà (Camuṇḍa) Định Quyền (Quyền trái)

Ngửa giữ khư ba La

Cửa Đông Tỳ Xá Già (Pi’sàca)

Nội Phộc, duỗi ở Hỏa (ngón giữa)

_ Ấn trước co Hỏa Luân (ngón giữa)

Tức tên Tỳ Xá Chi (Pi’sàce)

Mỗi Chân ngôn ấy là

_ Nhất Thiết Dược Xoa

158. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Dược ngật-xoa Thấp-phộc la. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - YAKṢA I’SVARA - SVĀHĀ

_ Nhất Thiết Dược Xoa Nữ

159. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Dược khát-xoa vĩ nễ-dã đạt lệ. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - YAKṢA VIDYADHĀRI - SVĀHĀ

_ Giá Văn Trà

160. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Tả muộn noa duệ. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - CAMUNḌÀYE - SVÀHÀ
_ Tỳ Xá Già

161. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Tỳ xá già nga để. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - PI'SACA GATI - SVÀHÀ
_ Tỳ Xá Chi

162. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Tỳ nhĩ Tỳ nhĩ. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - PICI PICI - SVÀHÀ

_ Tám anh em thiên Vương

Cửa Đông Tây đều bốn

Đồng tập một Chân ngôn

163. “Ấn nại-la. Tô ma. Phộc la noa. Bát-la nhạ ba để. Ba la nột-phộc nhạ.

Y xá na. Thất-chiến ná nhạ. Ca ma. Thất-lệ sắt-xá. Cử nãnh kiến thá. Nãnh kiến thá ca. Phộc nị ma nê. Ma nê tả la. Bát-la noa na. Ổ phả bán chỉ ca. Sa đá ngật-lị. Hạ ma phộc đa. Bố la-noa. Khư nễ la. Cú vĩ nặc. Ngu bá la được khát-xoa. A Tra phộc cú. Năng na la nhạ. Nhĩ ná khát-sái ba. Bán nhạ la hiển noa. Tô mẫu mục khê. Nhĩ già được khát-sái. Ba tất-lị nhạ năng. Tức đất-la tế năng. Nhĩ-phộc ngạn đạt phộc. Để-lị phả lị. Tả để-lị kiến tra. Nhĩ già xả để. Thất-giả ma đa lị. Sa-phộc hạ”

☞ INDRA - SOMA - VARAṆAḤ - PRAJAPATI - BHÀRADDHÀJAḤ - I'SÀNA - 'SCANDANAḤ - KAMAḤ - 'SREṢṬAKUNI KAṆṬHA - NIKANṬHAKAḤ VAḌI MAṆI - MAṆI CARAḤ - PAṆADA - UPAPAṆCIKAḤ - SÀTÀGIRI - HÌMAVATI - PÙKAḤ - KHADIRA HOVIDAḤ - GOPÀLA YAKṢA - AṬAVAKO - NÀRARÀJA - JINA KṢABHAḤ - PAṆCÀLA GAṆḌA - SUMUKHE DIRGHA YAKṢA - SAPRIJANAḤ CINTRASENA - 'SVA GANDHARVA - TRPHALÌ - CATRKAṆṬAKAḤ - DIRGHA 'SAKTI - 'SCA MATA LIḤ - SVÀHÀ

_ Quỷ Thủ Y Xá Na

Kích Ấn, Tam Muội Quyền (quyền trái)

Duỗi Hỏa Luân (ngón giữa) ngay thẳng

Chân Ngôn là:

164. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Lỗ nại-la dã. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - RUDRÀYA - SVÀHÀ

_ Bộ Đa Quỷ

165. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Xá ninh bộ đa địa bà để. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - 'SANE BHÙTA ADHIPATI - SVÀHÀ

_ Nhạ Dã Thiên

166. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Năng mặc nhạ dã duệ. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆAM - NAMAḤ JAYÀYE - SVÀHÀ

_ Ô Ma Phi

167. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Ô ma nãi nhĩ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆĀM - UMA JAMI

_ Ma Hạ Ca La Thân

168. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Ma hạ ca la dã. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆĀM - MAHÀ KÀLĀYA - SVĀHĀ

_ Tần Na Dạ Ca Thiên

169. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Ma hạ nga noa phả đá duệ. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆĀM - MAHÀ GAṆA PATĀYE - SVĀHĀ

Tiếp đi đến phương đầu (phương Đông)

Cửa Đông, Đế Thích Thiên

An trú núi Diệu Cao

Mão báu, đeo Anh lạc

Tay cầm Độc Cổ Ấn

Thiên Chúng tự vây quanh

_ Tả (bên trái) để chúng Nhật Thiên

Trong xe tám ngựa kéo

Hai Phi hầu trái phải

Thệ Gia, Tỳ Thệ Gia (Jaya, Vijaya)

Dịch là Thắng, Vô Thắng

Quyển thuộc bày Chấp Diệu (Grahà)

Áng Già (Àditya_ Nhật Diệu) ở trái phải

Thân Già (Soma _ Nguyệt Diệu) ở phía Đông

Bộ Già (Budha_ Thủy Diệu) ở phía Nam

Vật Lạc Tát Bát Đế (Bṛhasvati_ Mộc Diệu)

Đặt ở Bắc Nhật Thiên

Thiết-nãi Thiết Già (‘Sanai’scara_ Thổ Diệu) Đông Nam

La Hầu (Rahu) tại Tây Nam

Kiểm Bà (‘Sukra _ Kim Diệu) tại Tây Bắc

Kế Đô (Ketu) tại Đông Bắc

Niết Già Đa (Nirjata) Thiên Cầu

Đặt ở Bắc Bắc vĩ

Ôn Già Ba Đa Hỏa (Aṅgaraka_ Hỏa Diệu)

Ma Lợi Chi (Maricì) đi trước

Theo hầu mà Thị Vệ

_ Đại Phạm (Mahà Bràhma) hữu (bên phải) Đế Thích (Indra)

Ngồi trên xe bày ngỗng

Bốn mặt, mão tóc kết

Bốn tay, Tuệ (tay trái) cầm hoa

Tiếp Tuệ (tay trái) cầm Sổ châu (tràng hạt)

Định trên (tay phải) cầm Quân Trì

Định dưới (tay phải) tay nghiêng chường

Co Phong (ngón tro còn lại duỗi
 Tịnh Hạnh Cát Tường Ấn
 Đều là Ấn chữ AN
 _ Ma Lợi Chi, bình báu
 Tay Định (tay trái) rộng, nắm quyền
 Trong tất cả các nạn
 Tưởng Thân vào trong ấy
 Trí chưởng (lòng bàn tay phải) mà che đi
 Mắt Trời Người chẳng thấy
 _ Tứ Thiên Thiên tại Tả (bên trái)
 Vô Nhiệt Ngũ Tinh Hữu (bên phải)
 _ Thích Ấn, Nội Phộc quyền
 Dựng hai Phong (2 ngón trỏ) như chà y
 _ Nhật Thiên, Phước Trí (2 tay) Không (ngón cái)
 Đều để cạnh Thủy Luân (ngón vô danh)
 Hiển hiện dính cạnh nhau
 Ngửa như hình Xa lạc (cái xe)
 _ Xã Gia (Jaya) Tỳ Xã Gia (Vijaya)
 Tay Bát nhã Tam Muội (2 tay)
 Phong (ngón trỏ) Địa (ngón út) đều hướng trong
 Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa) tự giữ nhau
 _ Định Tuệ Luân (10 ngón tay) hợp đầu
 Dựng Không (ngón cái) đặt ở tim
 Ấn tướng của Cửu Chấp
 Còn như truyền thụ miệng
 _ Thích hữu (bên phải Đế Thích) Phạm Thiên Ấn
 Tam Muội (tay trái) Không (ngón cái) giữ Thủy (ngón vô danh)
 Giống như tướng cầm hoa
 Tuệ (tay phải) Phong (ngón trỏ) đặt trên Hỏa (ngón giữa)
 Không (ngón cái) giữ lóng giữa Thủy (ngón vô danh)
 Phạm Thiên Phi Mật Khế
 _ Trong Quyển Thuộc Thiên Đế
 Càn Đạt (Gandharva), A Tu la (Asura)
 Ấn trước, Nội Phộc Quyền
 Duỗi Thủy (ngón vô danh) Nhạ Thiên Ấn
 Tu La dùng tay Trí (tay phải)
 Phong (ngón trỏ) quặp trên Không Luân (ngón cái)
 Chín Ấn, sáu Chân Ngôn
 Mỗi Chân Ngôn ấy là:
 _ Đế Thích
170. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Xả ngật-la dã. Sa-phộc hạ”
 ↪ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - ‘SAKRĀYA - SVĀHĀ
 _ Nhật Thiên

171. “A nễ đễ-dã dã. Sa-phộc hạ ”

↪ ÀDITYÀYA - SVÀHÀ

_ Ma Lợi Chi Thiên

“Ma lợi chi. Sa-phộc hạ ”

↪ MARÌCI - SVÀHÀ

_ Cửu Chấp

172. “Nghiệt-la hệ Thấp mặt-lị dã. Bát-la ba-đa nhụ đễ ma dã. Sa-phộc hạ ”

↪ GRAHE’SVARÀYA PRÀPTA JYOTIRMAYA - SVÀHÀ

_ Phạm Thiên

173. “Bát-la nhạ phả đa duệ. Sa-phộc hạ ”

↪ PRAJAPATÀYE - SVÀHÀ

_ Càn Đạt Bà

174. “Vĩ thú đà sa-phộc la phộc hệ nãi. Sa-phộc hạ ”

↪ VI’SUDDHA SVÀRA VÀHINI - SVÀHÀ

_ A Tu La

175. “A Sách la nghiệt la la diễn. Sa-phộc hạ ”

↪ ASURA GARALAYAM - SVÀHÀ

_ Phật Tử! Hãy khéo nghe

Từ Tam Muội Gia đầu

Đến Bình Đẳng Khai Ngộ

Phương Đông, viện thứ nhất

Đại Nhật Chúng Tam Muội

Làm nhiều hình Thiên nữ

Câu đến Như Lai Giáp

Đều ngồi dài sen trắng

Luân (bánh xe) Dao, Sáo, Thương Khư (Loa)

Linh (chuông) Đạc (mõ) với Quyển Sách (sợi dây) ...

Hào Tướng, Khẩu, Thiệt, Nha

Thảy đều cầm hoa sen

Trên hoa đặt Tiêu Xí

Tề Ấn ở trong hoa

Tạo vẽ Liên Hoàn Quang

Tướng màu nhiệm tròn đẹp

Yêu như Hồi Châu Man

Tặng như Ngọc Mã Âm

Âm Tàng chẳng để lộ

Thí Nguyện Pháp Biện Thuyết

Kinh Tặng trên hoa sen

Niệm Xứ Thập Lực đấng

Kèm vẽ hình Thiên Nữ

Chứa Tam Muội vắng lặng (Tịch Tĩnh Tam Muội)

Nên làm tướng Phật Đỉnh
Núi, sông, cây, hoa, quả
Đều nói Quý, Thần, Trời
Tùy tên làm Tiêu Xí
Thần Năm, Tháng, Sáu thời
Cầm hoa tùy Bản Giáo
Lược nói Đại Bi Tạng
Mạn Trà La Vị xong

_ Tất cả các Thánh Chúng
Rộng như Đại Đàn Đồ (hình vẽ Đàn lớn)
Quán Đỉnh A Xà Lê (Bậc thầy Quán đỉnh)
Như Kinh nên cúng dường
Tiếp dẫn người đáng độ
Hoặc mười, hoặc tám, bảy
Trao cho dầu thơm, hoa
Khiến phát Tâm Bồ Đề
Trao Giới Thắng Thượng ấy
Ghi nhớ các Như Lai
Tất cả đều nên làm
Sinh ở nhà Phật Tịnh
Kết Ấn Pháp Giới Sinh
Cùng với Ấn Pháp Luân
Kim Cương Hữu Tình đẳng
Mà dùng làm gia trì
_ Tiếp nên tự mình kết
Ba chuyển, gia áo sạch
Như Pháp Giáo Chân Ngôn
Dùng áo đỏ che đầu
Khởi sâu Tâm Bi Diệu
Ba tụng tam Muội Gia
Đỉnh đội dùng chữ LA (RA)
Nghiêm dùng điểm Đại Không (RAM)
Chung quanh mở tóc lửa
Tự Môn sinh Bạch Quang (ánh sáng trắng)
Tuôn ra như Trăng đầy
Hiện đối các Cửu Thế
Mà rải tán hoa sạch (Tĩnh Hoa)
Tùy nơi hoa ấy đến
Hành nhân nên Tông phụng
Mạn Trà La, cửa đầu
An lập nơi Học Nhân (người học)
Trụ đầy, tùy Pháp Giáo

Mà tác mọi sự nghiệp
Như vậy khiến Đệ Tử
Mau lìa các lỗi lầm
Làm Hộ Ma Tịch Nhiên
Hộ Ma y Pháp trụ
Trước, ngay trong Thai Tạng
Đến thứ hai, bên ngoài
Ở trong Mạn Trà La
Làm, Tâm không nghi ngờ
Như lượng khuỷu tay mình
Đào đắp Đàn Quang Minh (Đàn Hộ Ma)
Bốn Tiết làm vòng giới
Trong nêu Kim Cương Ấn
Phương phải của Đạo Sư
Hộ Ma đủ chi phần
Người Học trụ bên trái
Ngồi xồm (Tông cứ tọa) Tăng Kính Tâm
Tự rải cỏ Cát Tường
Trải đất dùng an Tọa
Hoặc bày mọi sắc vẽ
Rực rỡ rất nghiêm lệ
Tất cả công việc thành
Đấy, lược nơi Hộ Ma
Rải cỏ Tranh chung quanh
Đầu cuối trợ nhau thêm
Xoay bên phải rộng dày
Dùng nước thơm rải khắp
Suy tư Hỏa Quang Tôn (Hỏa Thiên)
Thỉnh đến vào trong lò
Thương xót lo tất cả
Cần phải cầm Mãn Khí (Đại Thước – cái muôi lớn)
Dùng để làm cúng dường
Bấy giờ Thiện Trụ Giả (Người khéo trụ)
Nên nói Chân Ngữ này:

176. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. Ác nga-năng duệ. Sa-phộc hạ”

☞ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀṆĀM - AGNĀYE - SVĀHĀ

Lại dùng tay Tam Muội (tay trái)

Tiếp trì các Đệ Tử

Tay Tuệ (tay phải) ngón đại Không (ngón cái)

Lược Phụng Trì Hộ Ma

Mỗi hiến, liền thành tụng (chân thành tụng)

Riêng đều đến hăm một (21)

Nên Trụ Tâm Từ Mẫn

Y Pháp Chân Thật Ngôn

Phụng Trì Hộ Ma

177. “Năng mặc Tam mãn đa một đà năm. A ma hạ phiến để nghiệt đa. Phiến để yết la. Bát-la diễm ma đạt ma nãi nhược đa. A bà phộc tát phộc bà phộc. Đạt ma sa mãn đa bát-la ba-đa. Sa-phộc hạ”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀÑÀM - A MAHÀ ‘SÀNTI GATA - ‘SÀNTI KARA - PRAYAMA DHARMA NIRJATA ABHAVA SARVA BHAVA DHARMA SAMANTA PRÀPTA - SVÀHÀ

_ Hành Giả Hộ Ma xong

Ứng Giáo Lệnh, thân Thí

Vàng, bạc, mọi trân bảo

Voi, ngựa với xe cộ

Bò, dê, quần áo đẹp

Hoặc mọi tiền của khác

Đệ Tử nên chí thành

Cung kính khởi ân trọng

Thâm tâm tự vui mừng

Mà phụng hiến Sở Tôn (Tôn của mình)

Dùng Tu hành Tịnh Xả

Khiến Tôn ấy vui vẻ

Đã làm tác Gia Hộ

Ứng Triệu mà nói rằng (cáo ngôn)

“Nay, ruộng Thắng Phước này

Tất cả Phật đã nói

Vì muốn nhiều ích rộng

Tất cả các Hữu Tình

Phụng Thí tất cả Tăng

Sẽ đạt được Quả Lớn

Tư Tài lớn vô tận

Đời nói thường tùy sinh

Dùng cùng dưỡng Chư Tăng

Cho những người Đủ Đức

Vì thế, Thế Tôn nói

Cần phải phát hoan hỷ

Tùy sức sắm món ăn

Thí cho Hiện Tiền Tăng (Chư Tăng hiện tại)

_ Ma Ha Tỳ Lô Phật

Lại bảo Chấp Kim Cương

Rồi nói Già Đà rằng

“Này Ma Ha Tát Đỏa (Mahà satva)

Một lòng hãy lắng nghe!

Sẽ rộng nói Quán Đỉnh

Phật xưa đã mở bày (khai thị)

Thầy làm Đàn thứ hai
Đối trong Mạn Trà La
Đồ họa (vẽ tô) ở ngoại giới
Cách nhau hai khuỷu tay
Bốn phương chính, chia đều
Trong, hướng mở một cửa
Đặt bốn Chấn Kim Cương
Ngụ ở bốn góc ngoài
Là Trụ Vô Lý Luận
Với Hư Không Vô Cấu
Vô Cấu Nhãn Kim Cương
Với Bị Tạt Sắc Y
Nội Tâm (bên trong tâm) hoa sen lớn
Tám cánh đủ râu nhụy
Ở trong cánh bốn phương
Bốn Bồ Tát bện lữ
Do Đại Hữu Tình ấy
Vì nguyện lực xa xưa
_ Tại sao gọi là Bốn
Là Tổng Trì Tự Tại
Niệm Trì, Lợi Ích Tâm
Bi Giả, Bồ Tát đẳng
Bốn cánh hoa còn lại
Làm bốn vị Phụng Giáo
Tạt Sắc y, Mãn Nguyện
Vô Hạch với Giải Thoát (Vô Hạch = không trở ngại)
Chính giữa bày Pháp Giới (Chữ 𠄎 - RAM)
Màu chẳng thể luận bàn
Bốn Bình làm bằng báu
Chứa đầy mọi thuốc báu (Dược bảo)
Phổ Hiền, Từ Thị Tôn
Cùng với Trừ Cái Chướng
Trừ Nhất Thiết Ác Thú
Mà dùng làm Gia Trì
Người ấy, lúc Quán Đỉnh
Nên đặt trên Hoa Sen
Hiến: Dùng dầu thơm, hoa
Đèn sáng với Ứ Già
Trên treo phan, phương, lọng
Dâng âm nhạc nhiếp ý
Nhóm Cát Khánh Già Đà
Rộng nhiều lời hay đẹp
Như vậy mà cúng dường

Khiến được hoan hỷ xong
Thân (Gân gũi) đối các Như Lai
Rồi tự rưới đỉnh đầu
Lại nên cúng dường ấy
Các hương hoa diệu thiện
Quán Vũ (tay trái) cầm Ngũ Trí (chày Ngũ Cổ Kim Cương)
Trao vào hai bàn tay (Đặt chày vào 2 tay Đệ Tử)

_ “Chư Phật Kim Cương Quán Đỉnh Nghi
Người đã như Pháp Quán Đỉnh xong
Vì thành Thế Tính của Như Lai
Người nên nhận chày Kim Cương này”
_ Tiếp nên giữ Kim Tỳ (dao mổ mắt)
Ngay nơi Trụ Trước ấy
Ủy dụ khiến vui vẻ
Nói Như Lai Già Đà
“Phật Tử! Phật vì người
Quyết trừ màn Vô Trí
Giống như Thế Y Vương
Khéo dùng dao mổ mắt”
_ Hành giả trì Chân Ngôn
Lại nên dùng gương vàng
Vì hiển Pháp Vô Tướng
Nói Diệu Già Đà này
“Các Pháp không hình tượng
Lặng trong không vắng đục
Không chấp, lia lời nói
Chỉ từ Nhân Nghiệp Khởi
Như vậy biết Pháp này
Tự Tính không nhiễm ô
Vì đời lợi khôn sánh (vô tử – không thể so sánh)
Người từ Tâm Phật sinh”
_ Tiếp nên truyền Pháp Luân
Đặt ở giữa hai chân
Tay Tuệ (tay phải) Truyền Pháp loa
Lại nói Kệ như vậy
“Người kể từ ngày này
Chuyển ở Cứu Thế Luân (bánh xe cứu đời)
Tiếng ấy rộng vòng khắp
Thổi loa Pháp vô thương
Đừng sinh ở Tuệ khác
Nên lia Tâm nghi hối
Mở bày ở Thế Gian

Đạo Chân Ngôn Thắng Hạnh
Thường tác Nguyên như vậy
Tuyên xưng Ân Đức Phật
Tất cả Trì Kim Cương
Đều sẽ hộ niệm người”
_ Tiếp nên ở Đệ Tử
Mà khởi Tâm Bi Niệm
Hành Giả nên vào trong
Bày Kệ Tam Muội Gia
Phật Tử! Người từ nay
Chẳng tiếc luyến thân mệnh
Thường chẳng nên bỏ Pháp
Buông lìa Tâm Bồ Đề
Keo kiệt tất cả Pháp
Hạnh chẳng lợi chúng sinh
Phật nói Tam Muội Gia
Người khéo trụ nơi Giới
Như Hộ thân mệnh mình
Được Giới cũng như vậy
Nên chí thành cung kính
Cúi lạy Chân Thánh Tôn
Tạo tác tùy Giáo Hạnh
Đừng sinh Tâm nghi ngờ.

NHIẾP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA KINH
BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG CHỦ TÔN MẬT ẤN TIÊU XÍ MẠN TRÀ LA NGHI QUỸ
QUYỂN II HẾT

27/04/2002

**NHIẾP ĐẠI TỖ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THÂN BIẾN
GIA TRÌ KINH ĐẠI BI THAI TẠNG CHUYỂN TỰ LUÂN
THÀNH TAM MIỆU TAM PHẬT ĐÀ. NHẬP BÁT BÍ
MẬT. LỤC NGUYỆT THÀNH TỰU**

NGHI QUY

QUYỂN III

*Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng của nước Trung Thiên Trúc
THÂU BÀ CA LA (‘Subhakarā Simha_Thiện Vô Úy’) phụng chiếu
dịch.*

Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ Bà Nga Noan (Bhagavam – Thế Tôn)

Tỳ Lô Giá Na Phật

Bảo Trì Kim Cương Thủ

Phật tử! Chí Tâm nghe

Chúng tử Mạn Trà La

Trước quán A Tự Môn (𑖀)

Chuyển sinh nơi chữ Phộc (𑖀 - VA)

Cho đến tất cả chữ

Mà thành Mạn Trà La

Ấn Khế Mạn Trà La

Chuyển đây thành Tiêu Xí

Tướng khác, rộng như Kinh

Mão báu, nâng tay Ấn

Trụ ở nơi Tự Môn

Sự nghiệp mau thành tựu

178. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. A

Năng mặc Tam mãn đa một đà nẫm. Sa

Năng mặc Tam mãn đa phộc nhật-la nẫm. Phộc

Ca khư nga già

Tả sai nhạ án

Tra xá noa Trà

Đá tha ná đá

Bả phả ma bà

Dã La La phộc

Xả xái sa hạ. Khất-xoa”

𑖀 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - A

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - SA

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - VA
KA KHA GA GHA
CA CCHA JA JHA
ṬA ṬHA ḌA ḌHA
TA THA DA DHA
PA PHA BA BHA
YA RA LA VA

‘SA ṢA SA HA - KṢA

_ Quy Mệnh giống trước

179. “A. Sa .Phộc

Ca khư nga già

Tả sai nhạ Tán

Tra xá noa Trà

Đá tha ná đà

Bả phả ma bà

Dã La La phộc

Xả sái sa hạ – Khất-xoa”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - À

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - SÀ

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - VÀ

KÀ KHÀ GÀ GHÀ

CÀ CCHÀ JÀ JHÀ

ṬÀ ṬHÀ ḌÀ ḌHÀ

TÀ THÀ DÀ DHÀ

PÀ PHÀ BÀ BHÀ

YÀ RÀ LÀ VÀ

‘SÀ ṢÀ SÀ HÀ - KṢÀ

_ Quy Mệnh giống trước

“Ám . Thảm. Noan

Kiểm Khiếm nghiêm nghiêm

Chiếm chiêm nhiễm tiếm

Khiếm nẫm nẫm Thâm

Đam Đạm đảm bố-hàm

Bả-hàm, phổ-hàm, mộ-hàm, bổ-hàm

Diễm,Lãm ,Lam, noan chiến

Đam sam Tham hàm. Ngật-sam”

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - AM

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṆĀM - SAM

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM - VAM

KAM KHAM GAM GHAM

CAM CCHAM JAM JHAM

ṬAM ṬHAM ḌAM ḌHAM

PAM PHAM BAM BHAM
YAM RAM LAM VAM
'SAM SAM SAM HAM - KSAM

_ Quy Mệnh giống trước

“Ác, Sách, Phộc

Cước khước ngược già

Tác thác nhược tạc

Tri giác nặc nạnh

Đát thác nhược thược

Bác bạch mạc bặc

Dược lộ lạc phộc

Xước sách sách hoác. Ngật-sách

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHANAṀ - AḤ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHANAṀ - SAḤ

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆAṀ - VAḤ

KAḤ KHAḤ GAḤ GHAḤ

CAḤ CCHAḤ JAḤ JHAḤ

TAḤ THAḤ DAḤ DHAḤ

PAḤ PHAḤ BAḤ BHAḤ

YAḤ RAḤ LAḤ VAḤ

'SAḤ ṢAḤ SAḤ HAḤ - KṢAḤ

182. “Y ả ỏ ô

lị lý lý ly

ê ái ô áo”

↳ I Ì U Ò

Ṛ Ṛ L Ì

E AI O AU

183. “Ngưỡng nhường noa nãng mãng

Ngang nhường ninh nãng mang

Hàm nhiệm nãm noan nam

Nhược nhược thác nặc mặc

↳ NA ÑA ṆA NA MA

NÀ ÑÀ ṆÀ NÀ MÀ

NAM ÑAM ṆAM NAM MAM

ÑAḤ ÑAḤ ṆAḤ NAḤ MAḤ

_ Bí Mật Chủ! Nên biết

Từ CA Tự Luân (𑖀 - Ka) đầu

Chuyển sinh mười hai chuyển

Cho đến chữ Khất-xoa (𑖀 - Kṣa)

Đều thành Thể Pháp Giới

Đạo Tam Muội nhóm này

Hoặc trụ Phật Thế Tôn
 Bồ Tát, Đấng Cứu thế
 Duyên Giác, Thanh Văn nói
 Tồi hại nơi lỗi lầm
 Hoặc Chư Thiên, người đời
 Đạo Pháp Giáo Chân Ngôn
 Như vậy, người Cần Dũng
 Vì lợi ích chúng sinh
 Chân Ngôn Đẳng Chính Giác
 Ngôn Danh thành lập Tướng
 Như Nhân Đà La Tông
 Các nghĩa lợi thành tựu
 Có Tăng gia (tăng thêm) Pháp Cú
 Tương ứng Bản Danh Hạnh
 Hoặc chữ ÁN (ॐ - OM) chữ HỒNG (ॐ - HŪM)
 Cùng với Phát Trách Ca (pātaka – phan, phướng)
 Hoặc nhóm Hiệt Lị (Hrih_ Thanh tịnh) bế (Vih_ Tối Thắng)
 Là danh hiệu Phật Đỉnh
 _ Hoặc Yết Lật Hận Noa (Gṛhṇa – chấp thủ)
 Khư đà gia (Khadaya – Ăn nuốt) Bạt Xà (Bhamja – phá hoại)
 Đẳng loại Bát Tra dã (Paṭaya – chia rẽ, vụn bẻ)
 Là Phụng Giáo Sứ Giả
 Các Chân Ngôn Phần Nộ
 _ Nếu có chữ Nạp ma (Namaḥ – Quy kính)
 Với chữ Sa phộc ha (Svàhà – Nhiếp thụ)
 Là tu Tam Ma Địa
 _ Nếu có chữ Phiến đa (‘Sànta – Tịch tĩnh)
 Nhóm chữ Vĩ Thú Đà (Vi’suddha – Thanh Tịnh)
 Nên biết hay mãi túc
 Tất cả sự mong cầu
 _ Đây Chính Giác Phật Tử!
 Chân ngôn Đấng Cứu Thế
 Hoặc Thanh Văn đã nói
 Mỗi mỗi câu an bày
 Trong đó Tích Chi Phật
 Lại có chút sai khác
 Là Tam Muội chia khác
 Tĩnh trừ nơi nghiệp sinh
 _ Lại nữa, Bí Mật Chủ! Như Lai ở trong vô lượng trăm ngàn Câu Chi Na Dữu
 Đa kiếp gom chứa tu hành: Chân Thật Đế Ngữ, 4 Thánh Đế, 4 Niệm Xứ, 4 Thần Túc,
 10 lực Như Lai, 6 Ba La mật, 7 Báu Bồ Đề, 4 Phạm Trú, 18 Pháp Bất Cộng của Phật.
 Lấy chỗ tinh yếu mà nói từ Lực Nguyên Trí, Lực Gia Trì của tất cả Pháp Giới
 tùy thuận chúng sinh như chủng loại của nó mà mở bày Giáo Pháp Chân ngôn là:

- (𠄎_A) A Tự môn là Tất cả Pháp vốn chẳng sinh
- (𠄎_KA) CA Tự môn là Tất cả Pháp lia tác nghiệp
- (𠄎_KHA) KHƯ Tự môn là Tất cả Pháp đẳng Hư Không (ngang hàng với Hư không) chẳng thể khác.
- (𠄎_GA) NGA Tự môn là Hành của tất cả Pháp chẳng thể đặc
- (𠄎_GHA) GIÀ Tự môn là Tương hợp nhất của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_CA) GIÁ Tự môn là Tất cả các Pháp lia tất cả sự biến đổi (Thiên biến)
- (𠄎_CHA) XA Tự môn là ảnh tượng của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_JA) NHẠ Tự môn là Sự sinh của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_JHA) XÃ Tự môn là Sự chiến địch của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_TA) TRA Tự môn là Sự kiêu mạn (Mạn) của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_THA) THÁ Tự môn là Sự trưởng dưỡng (nuôi lớn) của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_DA) NOA Tự môn là Sự oán đối của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_DHA) TRÀ Tự môn là Sự chấp trì (cầm giữ) của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_TA) Đa Tự môn là Tính Như Như của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_THA) THA Tự môn là Trụ xứ của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_DA) NÁ Tự môn là Sự Thí (đem cho) của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_DHA) ĐÀ Tự môn là Pháp Giới của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_PA) BÀ Tự môn là Đệ nhất nghĩa đế của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_PHA) PHẢ Tự môn là Tất cả các Pháp chẳng bền vững như bọt tụ.
- (𠄎_BA) MA Tự môn là Sự ràng buộc (phộc) của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_BHA) BÀ Tự môn là Sự có của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_YA) DÃ Tự môn là Tất cả Thừa của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_RA) LA Tự môn là Tất cả các Pháp lia tất cả các bụi bặm.
- (𠄎_LA) LA Tự môn là Tất cả Tương của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.
- (𠄎_VA) PHỘC Tự môn là Cắt đứt đường ngôn ngữ của tất cả các Pháp.
- (𠄎_SA) XẢ Tự môn là Bản tính tất cả Pháp vốn vắng lặng.
- (𠄎_SA) SA Tự môn là Tính của tất cả các Pháp giống như ngu độn.
- (𠄎_SA) SA Tự môn là Tất cả Đế của tất cả các Pháp chẳng thể đặc.

(𑖇_HA) HA Tự môn là Nhân của Tất cả các Pháp chẳng thể đặc.

(𑖇_KṢA) KHẮT-XOA Tự môn là Tất cả các Pháp không có cùng tận.

_ Nhóm câu: (𑖇_NA) Ngưỡng, (𑖇_NA) Nhạ, (𑖇_NA) Noa, (𑖇_NA) Na, (𑖇_MA) Ma, đối với tất cả Tam Muội Tự Tại, mau hay thành biện các sự nghiệp nghĩa lợi, được đủ 10 Hiệu Như Lai, như Đại Nhật Tôn mà chuyển bánh xe Pháp, vào tướng phẩm loại, thường soi chiếu Thế Gian.

_ Thập Hiệu Cụ Túc Già Đà là:

**184. Tát phộc đát tha nghiệt đố. La hạ đế. Tam miệu Tam mẫu đà. Vĩ nãi-
dã tả la noa Tam bà nãng. Tố nga đố lạc ca vĩ. A noa đát-la bồ lỗ sái ná nhĩ dã. Sa
la thể xả sa đa. Nhĩ phộc nan nhạ ma nễ sử dã nam nhạ. Mẫu đà. Bà nga noan.**

↳ TATHÀGATA – ARHATE – SAMYAKSAMBUDDHA – VIDYÀ
CARAṆASAMPANNA – SUGATA – LOKAVID_ ANUTTARA PURUṢA –
PURUṢADAMYA SÀRATHI – DEVA MANUṢYÀNÀM ‘SÀSTR – BUDDHA –
BHAGAVÀN.

_ Bảy giờ Đạt Nhật Tôn Trụ Giảng Phục Tứ Ma Kim Cương Hý Tam Muội, nói giảng phục 4 Ma, giải thoát 6 nẻo kia (lục đạo luân hồi) đầy đủ Nhất Thiết Trí Trí. Kim Cương Tự Cú Chân ngôn là (Ấn phổ thông)

185. Nãng mạc Tam mãn đa một đà nãm. A vĩ la Hồng khiếm.

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM – A VIRA HÙM KHAM

_ Chân Ngôn Giả! Đản Tròn

Trước đặt ở Tự Thể

Từ chân rồi đến rốn

Thành Đại Kim Cương Luân

Từ đây cho đến Tim

Nên suy tư Thủy Luân

Hỏa Luân trên Thủy Luân

Phong Luân trên Hỏa Luân

Tiếp nên Niệm Trì đất

Mà Tô mọi hình tượng

Rộng như Thế Gian phẩm

Người tu hành Chân ngôn

Kiểm khắp Tu Đa La (Sutra – Khế kinh)

_ Khi ấy, Kim Cương Thủ nháy vọt lên Địa Thân Ngũ Ý của Đại Nhật, bình đẳng quán sát các chúng sinh đời vị lai, nói Đại Chân ngôn Vương. Yết Ma Ấn được truyền miệng. Chân ngôn là:

**186. Nãng mạc Tam mãn đa một đà nãm. A Tam ma ba-đa, đạt ma đà đố.
Nga đễ-dựng nga đa nam. Tát phộc tha. Ám, Khiếm, ám, ác, Tham, Sách. Hàm
hạc. Lam lạc. Noan phộc. Sa-phộc hạ. Hồng, lam lạc, hạ-la hạc. Sa-phộc hạ. Lam
lạc, Sa-phộc hà.**

↳ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM – ASAMÀPTA
DHARMADHÀTU GATI GATÀNÀM – SARVATHÀ ÀM KHAM – AM AḤ –

SAM SAH - HAM HAH - RAM RAH - VAM VAH SVÀHÀ - HÙM RAM
RAH HRA HAH SVÀHÀ - RAM RAH SVÀHÀ

Vừa nói Chân Ngôn xong
Tất cả các Như Lai
Trụ ở mười phương Giới
Đều duỗi cánh tay phải
Xoa đỉnh khen: Lành thay!
Phật tử! Ông nay đã
Vượt lên trên Địa Hạnh
Thân Ngũ Ý Đại Nhật
Nói Chân Ngôn Vương này.
Vì sao vậy? Phật tử!
Tỳ Lô Giá Na Phật
Ứng Chính Đẳng Giác Giả
Vốn ngồi Toà Bồ Đề
Quán mười hai Cú Pháp
Giáng phục nơi bốn Ma
Ở Pháp Giới này, sinh
Câu lưu xuất ba nơi
Phá hoại Thiên Ma Quân
Mau được Vô Biên Trí
Tự Tại mà nói Pháp
Nay ông cũng như vậy
Đồng với Chính Biến Tri
Vì chúng Sở Tri Thức
Ông hỏi Nhất Thiết Trí
Đại Nhật Chính Giác Tôn
Hạnh Chân ngôn Tối Thắng
Sẽ diễn nói Pháp Giáo
Ta xưa kia do đấy
Phát giác Diệu Bồ Đề
Mở bày tất cả Pháp
Khiến đến nơi diệt độ.
Hiện tại, mười phương Giới
Chư Phật đều chứng biết
_ Bấy giờ, Kim Cương Thủ
Thỉnh hỏi Đại Nhật Tôn
Quyết định Thánh Thiên Vị
Bí Mật Mạn Trà La
Nguyện xin Bà Nga Noan
Vì con rộng diễn bày
Nói Già Đà đấy xong.

_ Khi ấy, Đại Nhật Thế Tôn nhập vào Đẳng Chí Tam Muội, quán sát các chúng sinh đời vị lai, rồi an trụ trong Định. Tức thời quốc thổ, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, năm báu xen kẽ, treo lọng báu lớn trang nghiêm Môn Tiêu (cửa), rèm tua đủ màu hình tướng dài rộng, chuông báu, pháp trần màu trắng, áo đẹp (Danh y), phan, bội (đồ trang sức bằng ngọc), lụa màu rũ bày đua nhau tô điểm. Ở tám phương góc dựng cây phượng Ma Ni, nước 8 Công đức tràn đầy thơm tho. Vô lượng chúng chim, uyên ương, ngỗng, hộc tuôn ra âm thanh hòa nhã. Mọi loại ao tắm, cây đầy hoa mùa nở tươi tốt xen bày thơm tho nghiêm đẹp. 8 phương hợp ràng 5 Anh lạc báu. Mặt đất mịn màng giống như bông sợi, ai bước chạm đến đều nhận khoái lạc. Vô lượng nhạc khí tự nhiên hòa nhịp, âm thanh vi diệu, ai cũng thích nghe. Vô lượng Bồ Tát, tùy phước cảm nhận: Cung thất, điện đường, tòa ngời theo ý sinh. Nguyên Lực Tín Giải của Như Lai đã sinh ra Tiêu Xí của Pháp Giới, hiện ra hoa sen vua to lớn trong đó có Thân Pháp Giới Tính của Như Lai an trụ. Tùy theo mỗi loại Tính Dục của chúng sinh khiến cho được vui vẻ. Thời tất cả Chi Phần của Như Lai ấy có sức mạnh không bị chướng ngại, được sinh ra từ 10 Trí Lực Tín Giải. Vô lượng hình sắc với tướng trang nghiêm, là Thân được tăng trưởng từ Công Đức của Độ: Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, Thiền Định, Trí Tuệ trong vô số trăm ngàn Câu Chi Na Do Tha kiếp, tức thời hiện ra. Xuất hiện xong rồi, ở trong Đại Chúng Hội của các Thế Giới phát ra âm thanh to lớn mà nói kệ là:

Chư Phật rất Kỳ Đặc!
Quyền Trí khó luận bàn
Tuệ Vô A Lại Gia (Tuệ không có sự cất dấu)
Hàm chứa nói các Pháp
Nếu hiểu Vô Sở Đắc
Pháp Tướng của các Pháp
Không có đắc mà đắc
Đắc Chư Phật Đạo sư.

Nói âm thanh như vậy xong, quay trở lại nhập vào Thân Pháp Tính không thể luận bàn của Như Lai.

Tức thời, Đức Thế Tôn bảo Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ rằng: “Này Thiện Nam Tử! Hãy lắng nghe về nội tâm Mạn Trà La ... Đất Thân ấy tức là Tự Tính của Pháp Giới Chân ngôn, Mật Ấn gia trì mà gia trì Bản Tính Thanh Tĩnh. Nơi hộ trì của Yết Ma Kim Cương, Tĩnh trừ tất cả Trần Cấu (bụi dơ) về: Ta, Người, chúng sinh, Thụ Giả, Ý Sinh, Nho Đồng (Thắng ngã), sự sai lầm tai hại về Châu Ngột (cho gốc cây là cái ghế).

Đàn vuông có 4 cửa thông đạt với 4 hướng, chung quanh có Giới Đạo (đường đi ranh giới), bên trong hiện Ý Sinh Bát Diệp Hoa Vương (hoa sen vua có 8 cánh do ý tưởng sinh ra), rút cuống nở nhụy với sắc vẻ đoan chính vi diệu. Chính giữa là Đức Như Lai có Thân đặc biệt rất tôn quý đối với tất cả Thế gian. Vượt qua Thân Ngũ Ý đến ở đất Tâm kịp được quả Thích Ý Thù Thắng. Ở phương Đông là Bảo Tràng Như Lai, phương Nam là Khai Phu Hoa Vương Như Lai, phương Tây là Vô Lượng Thọ Như Lai, ở phương Bắc là Thiên Cổ Như Lai, phương Đông Nam là Phổ Hiền Bồ Tát, phương Đông Bắc là Quán Tự Tại Bồ Tát, phương Tây Nam là Diệu Cát Tường Đồng

Tử, phương Tây Bắc là Từ Thị Bồ Tát. Trong tất cả nhụy là Phật Bồ Tát Mẫu, 6 Ba La Mật Tam Muội quyến thuộc mà tự trang nghiêm. Bên dưới an bàn các chúng phần nộ của Trì Minh. Trì Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ dùng làm cuống sen ngự ở trong biển lớn không cùng tận, có vô lượng số hàng Địa Cư Thiên vây trên chung quanh.

Khi ấy, Hành giả vì Thành Tam Muội Gia cho nên dùng ý sinh ra hương, hoa, đèn sáng, dầu thơm, mọi loại thuốc, nhắm mà cúng dường. Liền nói Già Đà là:

Chân Ngôn Giả! Thành thật
Tô vẽ Mạn Trà La
Tự thân thành Đại Ngã
Chữ LA (𑖣 - RA) Tĩnh các nhớ
An trụ Du Già Tọa
Tìm nhớ các Như Lai
Đỉnh, truyền các đệ tử
Chữ A (𑖠) điểm Đại Không (𑖠 - AM)
Bậc Trí truyền Diệu Hoa
Khiến rải ở Thân mình
Vì nói Nội Sở Kiến (thấy ở bên trong)
Nói Hành Nhân tôn phụng.
Vì Đàn Tối Thượng này
Nên cho Tam Muội Gia.
_ Tiếp bày Tám Bí Mật
Trí Tuệ Tam Muội hợp (chắp hai tay lại)
Duỗi bung Địa Phong Luân (ngón út và ngón trỏ)
Như tỏa ngàn ánh lửa
Đây tên Bảo Tràng Phật
Bản Sinh Uy Đức Ấn
Mạn Trà La: Tam giác
Đầy đủ ánh sáng lớn
Đều trụ hình Bản Tôn
Như Tôn được Tất Địa
_ Tiếp Minh: Khai Sở Hoa
Kim Cương Bất Hoại Ấn
Dựa Uy Đức Ấn trước
Co Phong (ngón trỏ) để trên Không (ngón cái)
Ấn như hình chữ Phộc (𑖠 - VA)
Tướng Mạn Trà như chữ
Quanh có ánh Kim Cương.
_ Tiếp Minh: Vô Lượng Thọ
Liên Hoa Tạng Đại Ấn
Ấn đầu, bung Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh)
Địa (ngón út) hợp, Không (ngón cái) cũng vậy
Nguyệt Luân Mạn Trà La

Hoa Ba đầu (Padma – hoa sen) vây quanh
 _ Tiếp Minh: Cổ Âm Vương
 Vạn Đức Trang Nghiêm Ấn
 Co hai Độ (2 ngón út) vào chưởng
 Còn lại như Hoa Tạng
 Đàn ấy như Bán Nguyệt (nửa vành trăng)
 Điểm Không vòng quanh khắp.
 _ Hỏa phương(Phương Đông Nam) Chi Phần Ấn
 Hai Vũ (2 bàn tay) hợp như sen
 Co hai Không (2 ngón cái) kèm dựng
 Phổ Hiền Mạn Trà La
 Giống như Ca La Xả
 Trắng đầy, Kim Cương vây
 _ Y Xá phương(Phương Đông Bắc) Quán Âm
 Dựa Chi Phần Ấn trước
 Co Hỏa (ngón giữa) cài như trước
 Mạn Trà như cầu vồng
 Rũ khắp phan Kim Cương.
 _ Niết Ly Đế Thần phương (Phương Tây Nam)
 Pháp Trụ Diệu Cát Tường
 Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chưởng) duỗi Hỏa Luân (ngón giữa)
 Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự hợp nhau
 Mạn Trà như Hư Không
 Giữa thêm hai Điểm Không
 Xen đủ màu vây quanh
 _ Phộc Dữu (Phương Tây Bắc) A Dật Đa (Ajita tức Di Lạc Bồ Tát)
 Trí (tay phải) Định (tay trái) Kim Cương Quyền
 Liên trợ nhau dao động
 Tấn Tật Mạn Trà La
 Hình như Tướng Đại Không
 Điểm màu xanh, nghiêm khắp
 _ Chính Giác rất sâu kín
 Vượt quá đường ngôn ngữ
 Vì Đại Suất Đổ Ba (Mahà Stùpa – Tháp lớn)
 Câu lưu xuất bốn nơi (Tứ xứ lưu xuất cú)
 Chỉ Quán (2 bàn tay) sen chưa nở
 A Vĩ La (Avira) tụ hợp
 Hai Khư (𑖕_ KHA) y La (𑖔 _RA)
 Hai HA (𑖕) ngang ngay thẳng
 Khắp thân bày bốn Minh
 Ở ngay trên Thai Hoa
 _ Tức thời Thế Tôn
 Từ Tạng Thanh Tĩnh

Tam Ma Bát Đê
 Ngũ biểu Không tận
 Chính Giác Tín Giải
 Dùng một âm thanh
 Tứ xứ tuôn ra câu (lưu xuất cú)
 Chân ngôn Bí Mật
 Mỗi một Chân Ngôn ấy là:

185. Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Lam lạc, sa-phộc hạ. (Quy mệnh đồng với Khai Sở bên trên)

- **Noan phộc, sa-phộc hạ**
- **Tham Sách, sa-phộc hạ**
- **Hàm hạc, sa-phộc hạ**
- **Ám ác, sa-phộc hạ**
- **Một đà đạt la ni, sa mật-lật đê, mật la đà năng yết li. Đà la dã tát noan. Bà nga phộc đê, A ca la phộc đê, Tam ma duê, sa-phộc hạ.**
- **A phệ ná, vĩ nê, sa-phộc hạ**
- **Ma ha dữu na, dữu nghi ninh, dữu nghệ Truật-phộc li Khiêm nhạ li kế, sa-phộc hạ**
- **Năng mặc Tát phộc đát tha nghiệt đê tỳ-dữu, vĩ thấp-phộc mục khế Tỳ-dược. Tát phộc tha A A Ám Ác. Sa-phộc hạ.**

☞

1. Bản Uy Đức Sinh
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - RAḤ RAḤ - SVÀHÀ
2. Kim Cương Bất Hoại
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - VAḤ VAḤ - SVÀHÀ
3. Liên Hoa Tạng
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - SAḤ SAḤ - SVÀHÀ
4. Vạn Đức Trang Nghiêm
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - HAḤ HAḤ - SVÀHÀ
5. Nhất Thiết Chi Phần Sinh
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - AḤ AḤ - SVÀHÀ
6. Thế Tôn Đà La Ni
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - BUDDHA DHÀRAṆI
 SMṚTI BALA DHÀRA KARI DHÀRAYA SARVAḤ BHAGAVATI
 ÀKÀRA VATI - SAMAYE - SVÀHÀ
7. Như Lai Pháp Trụ
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - À VEDA VIDE - SVÀHÀ
8. Tấn Tật Trì Thế Tôn
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - MAHÀ YOGA YOGINI
 YOGE 'SVARI - KHAḤ JALIKE - SVÀHÀ

9. Vô sở Bất Chí Chân ngôn

NAMAḤ SAMANTA TATHAGATEBHYAḤ - VI'SVA
MUKHEBHYAḤ - SARVATHÀ A À AMḤ - SVÀHÀ

_ Cầm châu (tràng hạt) để trên Tim
Còn như Tô Tất Địa
Mỗi mỗi các Chân ngôn
Tác Tâm Ý niệm tụng
Thở ra vào là hai
Thường tương ứng đệ nhất
Khác đây mà Thọ Trì
Chân Ngôn thiếu chi phần
Trong và ngoài tương ứng
Ta nói có bốn loại
Thế Gian Niệm Tụng ấy
Bao nhiêu duyên tương ứng
Trụ chủng tử, chữ, câu
Hoặc Tâm tùy Bản Tôn
Nên nói có Phan Duyên (duyên tám núu)
Chữ A (𑖀) bày chi phần
Trì mãn ba Lạc Xoa (300 ngàn biến)
Phổ Hiền với Văn Thù
Chấp Kim Cương, Thánh Thiên
Hiện tiền rồi xoa đỉnh
Hành giả cúi đầu lễ
Mau dâng nước Ứ Già
Ý sinh Hương, Hoa man (vòng hoa)
Liên được Thân Thanh Tĩnh
Chữ đầu (𑖀_ A) đặt ở tai
Thông Tuệ, Tịnh Nhĩ căn
Chữ A là Tự môn
Ba thời tùy ý niệm
Hay giữ nơi Thọ Mệnh
Nhiều kiếp trụ Thế Gian
Nếu độ nơi La Nhạ (Ràja – vua chúa)
Quán họ là chữ Hạ (𑖀 - Ha)
Họ cầm Bát Ná Ma (Padma – hoa sen hồng)
Tự mình cầm Thương Khư (‘saṅkha – loa)
Bền hỗ trợ trao cho
Liên sinh Tâm hoan hỷ
Thở ra vào là Thượng
Nên biết Tâm Xuất Thế
Mau lia nơi các chữ

Tự Tôn là một tướng
 Không Hai , không Thủ Trước (nắm dính)
 Chẳng hoại ý sắc tướng
 Đừng khác với Pháp Tắc
 Đã nói ba Lạc Xoa
 Nhiều loại Trì Chân Ngôn
 Cho đến mọi tội trừ
 Bạc Chân Ngôn, thanh tịnh
 Như số lượng niệm tụng
 Đừng khác số như vậy
 Chữ LA (𑀯 _ Ra) đặt đỉnh hội
 Nên tỏa trăm ánh sáng
 Bách Quang Biến Chiếu Vương Chân Ngôn là:
188. NẮNG MẠC TAM MÃN ĐA MỘT ĐÀ NẮM. ÁM
 𑀮 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - AM
 (Kim Cương Chưởng, duỗi cánh tay đặt trên đỉnh đầu thời dao động)
 _ Kim Cương Thủ thỉnh hỏi
 Bồ Tát hành Chân Ngôn
 Tu hành bao nhiêu tháng
 Cấm Giới mới kết thúc
 _ Bảy giờ Bạc Già Noan
 Lành thay! Cần Dũng Sĩ!
 Ông hỏi Giới Thù Thắng
 Phật xưa đã khai diễn
 Duyên Minh đã khởi Giới
 Trụ Giới như Chính Giác
 Khiến được thành Tất Địa
 Vì lợi Thế Gian nên
 Đẳng Khởi tự chân thật
 Thường trụ ở Đẳng Dẫn
 Tu hành Giới sẽ xong
 Tâm Bồ Đề, quả nghiệp
 Hòa hợp làm một tướng
 Mau lia các Tạo Tác
 Đủ Giới như Phật Trí
 Khác đây phi Cấm Giới (chẳng phải Cấm Giới)
 Được các Pháp Tự Tại
 Thông đạt lợi chúng sinh
 Thường tu hạnh Vô Trước (không nhiễm dính)
 Nhóm Đá quý, các báu
 Cho đến mãn Lạc Xoa
 Đã nói Chân Ngôn Giáo
 Tất ở nhóm Thời, Tháng

Lượng Cấm Giới kết thúc
 Tối sơ (thoạt đầu) ở Kim Luân
 Trụ Đại Nhân Đà Là
 Thường quán nơi chữ A (𑖀)
 Nên kết Kim Cương Ấn
 Uống sữa dùng tư Thân (bổ Thân)
 Hành giả mãn một tháng
 Hay điều hòa hơi thở
 _ Tiếp ở tháng thứ hai
 Nghiêm chỉnh trong Thủy Luân
 Vành tròn thành chín tầng
 Màu ánh trắng đêm thu (chữ Phộc - 𑖑 - VA)
 Nên kết Liên Hoa Ấn
 Rồi uống nước Thuần Tịnh
 _ Tiếp ở tháng thứ ba
 Quán Thắng Diệu Hỏa Luân
 Tam giác, tia lửa uy (chữ LA - 𑖒 - RA)
 Ấn kết Đại Tuệ Đạo
 Ăn chẳng cầu vật thực
 Đốt diệt tất cả tội
 Mà sinh Thân, Ngữ, Ý
 _ Tháng thứ tư, Phong Luân (chữ HẠ - 𑖓 - HA)
 Hành giả thường nuốt gió
 Kết chuyển Pháp Luân Ấn
 Nhiếp tâm để trì tụng
 Quán Kim Cương Thủy Luân (chữ A - 𑖀_ PHỘC - 𑖑)
 Y trụ ở Du Già
 Đây là tháng thứ năm
 Mau lìa đắc chẳng đắc
 Hành già Vô Sở Trước (không có nơi nhiễm dính)
 Đẳng đồng Tam bồ Đề (Sambodhi – Chính Giác)
 Hòa hợp Phong Thủy Luân (chữ HẠ - 𑖓_ PHỘC - 𑖑)
 Vượt qua mọi lỗi họa (lỗi lầm tai vạ)
 _ Lại một tháng trì tụng
 Đây gọi tháng thứ sáu
 Cũng buông lợi, chẳng lợi
 Hàng Thích Phạm, Thiên Chúng
 Trụ xa mà kính lễ
 Tất cả làm Thủ Hộ
 Người, Trời, Thần Cổ Thúc (Dược Thảo Thần)
 Trì Minh, các Linh Tiên
 Theo hầu tùy Giáo Mệnh

La Sát, bảy Mẫu Thần
 Tất cả loài gây chướng
 Thấy ánh sáng nơi đây
 Chạy tan như lửa mạnh
 Cung kính mà lánh xa
 Đẳng Chính Giác Chân Tử
 Tất cả được Tự Tại
 Điều phục kẻ khó phục (Nan giảng giả)
 Như Đại Chấp Kim Cương
 Nhiều ích các Quân Sinh
 Đẳng đồng Quán Thế Âm
 _ Sáu tháng mãn túc xong
 Tùy sở nguyện thành tựu
 Thường nên ở Tự Tha (Ta Người)
 Xót thương mà cứu hộ
 Trì niệm phần hạn xong
 Nâng châu (tràng hạt) phát Đại Nguyện
 Gia trì bày năm Cúng
 Duyệt ý diệu Già Đà
 Ba dâng (3 lần dâng) nước Ứ Già
 Giải Giới, Pháp Giải Thoát
 Rộng làm phương tiện đầu
 Tưởng Quy Tán nại La (Candra – mặt trăng)
 Sau đó ở nhàn tĩnh
 Y Pháp vào Tam Muội
 Thường quán Tu Đa La (Sutra – Khế Kinh)
 Ấn cát, nghĩ sáu niệm
 Cho đến câu chi số
 Cuối cùng Phật phóng quang
 Hành Giả hết tội chướng
 Liền đồng Biến Chiếu Tôn
 Gia Trì cú Chân ngôn (Kim Cương Chướng, tùy ánh sáng chiếu chạm thân)

**189. Năng mạc Tam mãn đa một đà nam. Tát phộc tha. Thắng, Thắng.
 Đát-lăng, đát-lăng. Ngung ngung. Đạt-lân, đạt-lân. Sa-tha phả dạ, sa-tha phả dạ.
 Một đà sa đễ-dã phộc.Đạt ma sa đễ-dã phộc. Tăng già sa đễ-dã phộc. Hồng Hồng.
 Phệ ná vĩ phệ. Sa-phộc hạ.**

✪ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - ‘SAM ‘SAM - TRAM TRAM
 - GUM GUM - DHARAM DHARAM - STHĀPAYA STHĀPAYA - BUDDHĀ
 SATYA VÀ - DHARMĀ SATYA VÀ - SAMGHA SATYA VÀ - HŪM HŪM -
 VEDA VIDE - SVĀHĀ

_ Gia trì kiên cố xong
 A Xà Lê (Àcàrya – Quỳ Phạm Sư) Thế nào?

Đủ hạnh chân thật lớn
 Nếu ở Giáo Pháp này
 Giải ý nghĩa rộng lớn
 Chính Giác Đại Công Đức
 Nói là A Xà Lê
 Chư Phật chẳng ra đời
 Người này, gọi là Phật
 Cầm giữ Ấn Kim Cương
 Hết thấy các Tự Luân
 Nếu ngay tại chi phần
 Nên biết Trụ my gian (tam tinh)
 Chữ Hồng (𑖇 - Hùṃ) Câu Kim Cương
 Chữ Sa (𑖦 - Sa) ngay dưới môi
 Đây là Câu Liên Hoa
 Chữ A (𑖠 - A) mệnh thứ nhất
 Chữ Phộc (𑖣 - Va) gọi là nước
 Chữ La (𑖡 - Ra) gọi là lửa
 Chữ Hồng (𑖇 - Hùṃ) tên phần nô
 Chữ Khư (𑖛 - Kha) đồng Hư Không
 Ấy là điểm Cực Không
 Biết Tối Chân Thật này
 Gọi tên: A Xà Lê
 Biết rõ điều Phật nói
 Nên hành Câu Bất Tử
 Tưởng niệm chữ Bản Sở (𑖠)
 Điểm thuần trắng nghiêm sức (𑖠 - Am)
 Tối thắng Bách Tâm Minh
 Các Pháp vốn chẳng sinh
 Ở trong, chính quán sát
 Hay phá Cung Vô Minh
 Chính Giác, các Thế Tôn
 Đã nói Pháp “NHƯ THI”
 Phật tử! Nhất Tâm nghe
 An bày các Tự môn
 Chữ Ca (𑖛 - Ka) ngay dưới hầu (cổ họng)
 Chữ Khư (𑖛 - Kha) trên nóc họng (hàm ếch)
 Chữ Nga (𑖛 - Ga) dùng làm cổ
 Chữ Già (𑖛 - Gha) ở trong hầu (cổ họng)
 Chữ Giá (𑖛 - Ca) làm gốc lưỡi
 Chữ Xa (𑖛 - Cha) ngang trong lưỡi
 Chữ Nhạ (𑖛 - Ja) làm đầu lưỡi

Chữ Xã (𠄎 - Jha) nơi sinh lười
 Chữ Tra (𠄎 - Ta) làm ống chân
 Chữ Trá (𠄎 - Tha) biết bắp đùi
 Chữ Noa (𠄎 - Da) nói là eo
 Chữ Trà (𠄎 - Dha) dùng an tọa (2 cái môn)
 Chữ Đa (𠄎 - Ta) phần sau cuối (hậu môn)
 Chữ Tha(𠄎 - Tha) biết cái bụng
 Chữ Ná (𠄎 - Da) là hai tay (2 bàn tay)
 Chữ Đà (𠄎 - Dha) làm hông sườn
 Chữ Ba (𠄎 - Pa) dùng làm lưng
 Chữ Phả (𠄎 - Pha) biết lồng ngực
 Chữ Ma (𠄎 - Ba) làm hai chỗ (hai khuỷu tay)
 Chữ Bà (𠄎 - Bha) dưới cánh tay
 Chữ Mãng (𠄎 - Ma) ngay trái tim
 Chữ Dã (𠄎 - Ya) tương Âm tàng (phần hạ bộ)
 Chữ La (𠄎 - Ra) làm con mắt
 Chữ La (𠄎 - La) vầng trán rộng
 Ắi (𠄎 - I) Y (𠄎 - Ì) hai vành mắt (I: vành mắt phải; Ì: vành mắt trái)
 Ồ (𠄎 - U) Ô (𠄎 - Û) hai vành môi (U: vành môi trên; Û: vành môi dưới)
 Ế (𠄎 - E) ÁI (𠄎 - AI) làm hai tai (E: lỗ tai phải; AI: lỗ tai trái)
 Ô (𠄎 - O) ÁO (𠄎 - AU) hai gò má (O: gò má phải; AU: gò má trái)
 Chữ Ám (𠄎 - Am) Câu Bồ Đề
 Chữ Ác (𠄎 - Ah) Bát Niết Bàn
 Biết tất cả Pháp đầy
 Hành Giả thành Chính Giác
 Tất cả Trí, của cải (Tư tài)
 Thường ở ngay trong đó
 Đời hiệu (xưng là) Nhất Thiết Trí
 Đấy là Tát Bà Nhã (Sarva Jñà)

_ Bấy giờ, Tỳ Lô Giá Na Phật bảo Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ rằng: “Đại Đức Kim Cương Thủ! Pháp này là Như Lai Bí Mật Ấn, Tối thắng bí mật, chẳng nên truyền liền cho người, ngoại trừ người đã Quán Đỉnh, tột tính điều nhu, tinh tiến vững chắc, phát nguyện Thù Thắng, cung kính Sư Trưởng, nhớ báo Ân Đức, trong ngoài thanh tịnh, buông xả thân mệnh mình để cầu Pháp.

Tướng biểu hiện của Đệ tử TA, Tại gia hay Xuất gia, chủng tính Thù thắng, tướng người ấy hoặc trắng xanh hoặc màu trắng, đầu rộng cổ dài, trán rộng bằng chính, mũi râu thẳng thắn, khuôn mặt đầy đặn, tương xứng đoan nghiêm. Phật Tử như vậy cần phải ân cần mà truyền dạy cho. Nếu khác điều này thì phạm vào Tam Muội Gia. Ngoài ra như bản Giáo nói:

“Nguyện khắp các Hữu Tình đồng sinh Liên Hoa Tạng”

**NHIẾP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THÂN BIẾN GIA TRÌ KINH -
NHẬP LIÊN HOA THAI TẠNG HẢI HỘI -
BI SINH MẠN TRÀ LA QUẢNG ĐẠI NIỆM TỤNG NGHI QUỸ
QUYỂN III HẾT**

Nhiếp Đại Nghi Quỹ, một Bộ 3 quyển là do 3 Thầy Từ Giác, Trí Chứng, Tông Duệ thỉnh về. Xong bản ấy chẳng phải không có khác, mà nay đem ấn khắc. Ất bản của Từ Giác Đại sư triển chuyển truyền tả có sai lầm nhiều, nên dùng Bản Kinh và Quảng Đại Nghi Quỹ giáo định có chỗ nào chưa quyết thì đánh dấu ở trên để đợi các bậc Hậu Triết. Hoặc vì phòng ngừa bọn Mạn Pháp, có khi làm loạn thoát văn nên thỉnh ý Thầy mà điểm thị ở bên cạnh. Ấy là cầu cho Pháp Bảo được an trụ lâu dài vậy.

Nhằm niên hiệu Chính Đức, năm đầu, năm Tân Mão, mùa hạ.

Vũ Thành - Linh Vân Tự - Sa môn TUỆ QUANG ghi.

29/04/2002

नमोऽस्मिन् सर्वे तथगतेभ्यः । सर्वभयविघ्नो भूतनाशकः ।

10. NAMO SARVA TATHAGATEBHAYAḤ - VI'SVA MUKHEBHAYAḤ - OM ASAME TRISAME SAMAYE - SVÀHÀ

नमोऽस्मिन् राम धर्मद्वारकः ।

11. NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṀ - RAṀ _ DHARMADHATU SVÀBHAVAKOHÀṀ

नमोऽस्मिन् राम वज्ररूपः ।

12. NAMAḤ SAMANTA VAJRAṀ - VAJRATMAKOHÀṀ

नमोऽस्मिन् राम वज्ररूपः ।

13. NAMAḤ SAMANTA VAJRAṀ - OM - VAJRA KAVASA - HÙṀ

नमोऽस्मिन् राम वज्ररूपः ।

14. NAMAḤ SAMANTA VAJRAṀ - RAṀ

नमोऽस्मिन् सर्वे तथगतेभ्यः । सर्वभयविघ्नो भूतनाशकः ।
महावैश्वानरः सर्वभयविघ्नो भूतनाशकः ।

15. NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHAYAḤ - SARVA BHAYA VIGATEBHAYAḤ - VI'SVA MUKHEBHAYAḤ - SARVATHÀ HÀṀ KHÀṀ - RAKṤA MAHÀ BALE - SARVA TATHÀGATA PUṆYA NIRJATE - HÙṀ HÙṀ - TRATṤ TRATṤ - APRATIHATE - SVÀHÀ

नमोऽस्मिन् राम वज्ररूपः ।

16. NAMAḤ SAMANTA VAJRAṀ - HÀṀ

नमोऽस्मिन् सर्वे तथगतेभ्यः । सर्वभयविघ्नो भूतनाशकः ।

17. NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHAYAḤ - VI'SVA MUKHEBHAYAḤ SARVATHÀ KHAṀ UDGATE SPHARA HÌMAṀ - GAGANAKAṀ - SVÀHÀ

नमोऽस्मिन् राम बुद्धरूपः ।

18. NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṀ - VI'SUDDHA GANDHODBHAVAYA - SVÀHÀ

नमोऽस्मिन् महाभयविघ्नो भूतनाशकः ।

19. NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṀ - MAHÀ MAITRYABHYDGAṀ - SVÀHÀ

नमोऽस्मिन् राम वज्ररूपः ।

नमोऽस्यै नमोऽस्यै

30. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - HÙM

न...मं हूं हूं

31. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - HÙM HÙM

न...मं ह्रीं ह्रीं

32. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - A HÙM JAḤ

न...मं हः

33. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - BHAḤ

न...मं सर्वथाजिनजिनदयनिनसुद

34. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - SARVATHĀ JINA JINA
BHAYA NA'SANA - SVĀHĀ

न...मं वरिवज्रतमसुद

35. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - VARADA VAJRATMAKA -
SVĀHĀ

न...मं महबलवतिदिवलोकवमदमद्युगिनसुद

36. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - MAHĀ BALA VATI DA'SA
VALODBHAVE - MAHĀ METRYABHYADGATE - SVĀHĀ

नं नं गगनवारेकमकरुणमयनपगनवसुद

37. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - GAGANA VARA LAKṢṆA
KARUNḌA MAYA - TATHĀGATA CAKṢAḤ - SVĀHĀ

न...मं

ददमदपमिप्रमं दमवदवदमदकनपगनपदसुद

38. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - HE HE MAHĀ PĀ'SA
PRASARAUDARYA SATVA DHĀTU VIMOHĀKA TATHĀGATĀ
DHIMUKTI NIRJATA - SVĀHĀ

न...मं सर्वत्रप्रतिहते

39. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - À - SARVATRĀPRATIHITE
TATHĀGATĀKU'SA BODHICARYA PARIPÛRAKA - SVĀHĀ

न...मं ज्ञादोदभवा

40. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - JÑADODBHAVA - SVĀHĀ

न...मं प्रमदवसुद

- ॐ...ॐ शिवशुभं नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ५ ॥
51. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - ACINTYADBHUTA RŪPA
VĀKSAM MANTA PRAPTA VI'SUDDHASVĀRA - SVĀHĀ
ॐ...ॐ दशबालाधारा ॥ ६ ॥
52. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - DA'SA BALOGA DHARA -
HŪM SAṀ JAṀ - SVĀHĀ
- ॐ...ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ७ ॥
53. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - TATHĀGATĀ SMṚTI
SATVA HIDDHABHYUDBHATA GAGANA SAMA SAMA -
SVĀHĀ
- ॐ...ॐ सर्वधर्मप्रदा ॥ ८ ॥
54. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - SARVA DHARMA
SAMANTĀ PRAPTA TATHĀGANUGATA - SVĀHĀ
- ॐ ॐ समप्रदा ॥ ९ ॥
55. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - SAMANTANUGATA VIRAJA
DHARMA NIRJATE MAHĀ MAHĀ - SVĀHĀ
- ॐ ॐ शिवशुभं नमो भगवते वासुदेवाय ॥ १० ॥
56. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - AJITAM JAYA - SARVA
SATVA'SAYĀNUGATA - SVĀHĀ
- सर्वधर्मप्रदा ॥ ११ ॥
57. SARVATHĀ - VIMATI VIKIRAṆA - DHARMA DHĀTU NIRJATA
NIRJATA SAṀ HA - SVĀHĀ
- सर्वबुद्धबोधिसत्वहृदयान्यावसानी ॥ १२ ॥
58. SARVA BUDDHĀ BODHISATVA HRDAYA NYAVE'SANI -
NAMAḤ SARVA VIDE - SVĀHĀ
- वारादे वाराप्रप्ता ॥ १३ ॥
59. VARADE VARA PRĀPTA HŪM - SVĀHĀ
- सर्वधर्मप्रदा ॥ १४ ॥
60. SARVA TATHĀGATĀVALOKITA - KARUṆA MAYA - RA RA RA
- HŪM JAH - SVĀHĀ
- तारे तारेणि कारुण्ये ॥ १५ ॥
61. TARE TĀREṆI KARUṆEDBHAVE - SVĀHĀ
- सर्वधर्मप्रदा ॥ १६ ॥

62. SARVA BHAYA TRASANI HÙM SPHAṬYA - SVÀHÀ

संशंनसुमसुपसंशंन

63. SAM SAM HÀ - STAMAPRAPTA - JAM JAM - SVÀHÀ

संशंनसुमसुपसंशंन

64. YAM - YA'SODHARAYA - SVÀHÀ

तथगतविषयसंशंनसुमसुपसंशंन

65. TATHÀGATÀ VIṢAYA SAMBHAVE PADMA MALINI_ SVÀHÀ

सुमसुपसंशंनसुमसुपसंशंन

66. HÙM - KHADAYA BHAMJA SPHAṬYA - SVÀHÀ

हहहसुगसुग

67. HA HA HA - SUTANTA - SVÀHÀ

हहकुमरिहसुविपथगसुमसुपसंशंन

68. HE HE - KUMÀRAKA VIMUKTI PATHA STHITA SMARA SMARA PRATIÑÀM - SVÀHÀ

हहकुमरिहसुमसुपसंशंनसुमसुपसंशंन

69. HE HE - KUMÀRA - MAYA GATA SVABHAVA STHATA - SVÀHÀ

हकुमरिहसुविपथगसुमसुपसंशंन

70. HE KUMARA VICITRA GATI KUMÀRA MANUSMARA - SVÀHÀ

हहकुमरिहसुमसुपसंशंनसुमसुपसंशंन

71. HE HE - KUMARAKE DAYA JÑÀNAM SMARA PRATIÑÀM - SVÀHÀ

हसुमसुपसंशंनसुमसुपसंशंन

72. BHINDAYA JÑÀNÀM - HE KUMADIKI CINTA MIRI - SVÀHÀ

हसुमसुपसंशंन

73. HERI - SVÀHÀ

हसुमसुपसंशंन

74. HE - SMARA JÑÀNA HETU - SVÀHÀ

हसुमसुपसंशंनसुमसुपसंशंन

75. ÀKARṢAYA SARVÀṂ KURU A JÑÀ KUMARASYA - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀾𑀢𑀺𑀓𑀲𑀺𑀭𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
76. A _ SATVA HETÀBHYUDGATA - TRAM TRAM - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
77. VIMATI CCHEDAKA - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
78. ABHAYANDADA - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
79. ABHYUDDHÀRAṆI SATVÀDHATUM - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
80. HE MAHA MAHA SMARA PRATIÑÀM - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
81. SVÀCETODGATE
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
82. KARUṆDE MREDITA - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
83. HE VARADA PRAPRAPTA - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
84. SARVA ‘SAPARI PURAKA - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
85. HA HA HA - VISMAYE - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
86. HE MAHA MAHA - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
87. RATNOVADHA - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
88. DHARAṆI DHARA - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓
89. RATNA NIRJITA - SVÀHÀ
 𑀅𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓𑀲𑀺𑀓

- वज्रसंज्ञवसूक्त
90. VAJRA SAMBHAVA - SVÀHÀ
- शुक्रसिद्धिप्रदायकवसूक्त
91. AKA'SA SAMANTANUGATA VICITRAM VARA DHARA - SVÀHÀ
- गगनशुक्रवसूक्त
92. GAGANÀ ANANTA GOCARA - SVÀHÀ
- चक्रवर्तिवसूक्त
93. CAKRA VARTTI - SVÀHÀ
- धर्मसंज्ञवसूक्त
94. DHARMA SAMBHAVA - SVÀHÀ
- धिरंपद्मलयावसूक्त
95. DHIRAM PADMALAYA - SVÀHÀ
- जानुद्भववसूक्त
96. JANUDBHAVA - SVÀHÀ
- वज्रस्थिरबुद्धेःपूर्वतमात्रासारावसूक्त
97. VAJRA STHIRA BUDDHEḤ PŪRVATMA MATRA SARA - SVÀHÀ
- कुवलेयावसूक्त
98. KUVALEYA - SVÀHÀ
- वज्रकरवसूक्त मद्रपूर्वकिञ्चिदधिकमितम्
99. VAJRA KARA SVÀHÀ - MADRÀ PŪRVA KIMCIDAṢADDHIKA-MITAM
- नामसमन्तवज्रानामवाहवज्रपानिचण्डामाहलोषाणहृमवसूक्त
100. NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆAM - VAḤ VAJRAPANI CAṆḌA MAHÀ LOṢAṆA HŪM - SVÀHÀ
- त्रितत्रिताजयन्तिवसूक्त
101. TRITA TRITA JAYANTI - SVÀHÀ
- सर्वधर्मनिर्वेदहनिवज्रसुखिवरवसूक्त
102. SARVA DHARMA NIRVEDHANI VAJRA SUCI VARADE
- सर्वधर्मसर्वधर्मवसूक्त
सर्वधर्मवसूक्त

103. HÙM - VADDHÀYA MOṬA MOṬAYA VAJRADBHAVE
SARVATRAPHATIHATE - SVÀHÀ

ॐ ह्रूं क्ल

104. HRÌM HÙM PHAT

नमःसमन्त बुद्धानाम् अ विस्मया निये - स्वाहा

105. NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - A VISMAYA NIYE - SVAHÀ

स्फटय वज्रसम्भवे

106. SPHAṬAYA VAJRA SAMBHAVE - SVÀHÀ

द धारणिम् धारणिम्

107. DHARANIM DHARANIM - SVÀHÀ

ह्रूं ह्रूं ह्रूं क्ल क्ल क्ल क्ल

108. HÙM HÙM HÙM - PHAT PHAT - JAM JAM - SVÀHÀ

दीक्षीकं वृन्दककि वं इयमिष्टुक्त्वाद्य २ प (व इयम वं कि क इमिष्टुक्त्वाद्य ३
स्फट

109. DHÌ 'STRÌ HAM BRAM HE HE KIRCARA YASI GRHṆA -
KHADA KHADA - PARIBURAYA SARVA KIṆKARAṆA SVÀ
PRATIÑÀM - SVÀHÀ

वज्रमन्त्राय नमः स्फटं वज्रं क्लं

110. CAṆḌA MAHÀ LOṢAṆA SPHAṬA HÙM

क्ल क्ल विस्मयस क्ल न पगग विषयसं न व वं वृष्टु विस्मय क्ल क्ल

111. HE HA HA VISMAYE SARVA TATHÀGATA VIṢAYA SAMBHAVA
_ TRAI-LOKYA VIJÀYA HÙM JAḤ - SVÀHÀ

न... नमः क्ल क्ल विस्मयस क्ल न पगग विषयसं न व वं वृष्टु विस्मय क्ल क्ल

112. NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM - SARVA KLE'SA NISUDANA
SARVA DHARMA VA'SITA PRAPTA GAGANA SAMA SAME -
SVÀHÀ

बुद्धं रुचानि वानुरामा धारमा सम्भवा विकाना

113. BUDDHÀ RUCANI VANURAMA DHARMA SAMBHAVA VIKANA
SAM SAM

स्फटं क्ल

114. AH HAM JAḤ - SVÀHÀ

ॐ (अ ह म ज ष)

115. LAM - SITÀTAPATRA UṢṢṢṢA - SVÀHÀ

ॐ (ल ष ष ष)

116. 'SAM - VIJAYO UṢṢṢA - SVÀHÀ

ॐ (स म वि ज य)

117. 'SÌSÌ - VIJAYO UṢṢṢA - SVÀHÀ

ॐ (सि सि वि ज य)

118. TRÌM - TEJERA'SI UṢṢṢA

ॐ (त्रि म ते ज रा स)

119. HRÌM - VIKIRANA PAMCOṢṢA - SVÀHÀ

ॐ (ह रि म वि किर ण)

120. TRÙM - UṢṢṢA - SVÀHÀ

ॐ (त्रु म उ ष ष)

121. 'SRÙM - UṢṢṢA - SVÀHÀ

ॐ (स रु म ज य)

122. HÙM - JAYO UṢṢṢA - SVÀHÀ

ॐ (हु म ज य)

123. VAM HÙM HÙM HÙM PHAT - SVÀHÀ

ॐ (व म हु म हु म हु म फट)

124. OM - PARANIDMA RATIBHYAḤ - SVÀHÀ

ॐ (ओ म प र णि द म रा ति भ य)

125. MANORARMA SAMBHAVA KATHÀ KATHÀNA SAM SAM - MABHATE - SVÀHÀ

ॐ (म नो र र म स म भ वा क थ)

126. JA DHATUṢṢYANÀM - SVÀHÀ

ॐ (ज धा तु ष ष य ण)

127. A OM HANIṢṢA - SVÀHÀ

ॐ (अ ओ म ह णि ष)

128. OM - ABHASVALEBHYAḤ - SVÀHÀ

ॐ अथ सूक्त

129. AGNAYE - SVÀHÀ

ॐ अथ सूक्त

130. AGNIYE - SVÀHÀ

वसिष्ठं सूक्त

131. VASIṢṬA RṢAM - SVÀHÀ

ऋग्यजुसं सूक्त

132. AṢṬREYA MAHÀ RṢAM - SVÀHÀ

भृशंसं सूक्त

133. BHR'SOṬRUM MAHÀ RṢAM GARGHA - SVÀHÀ

गोतमं सूक्त

134. GOTMA MAHÀ RṢAM GARGHA - SVÀHÀ

वैवस्वतं सूक्त

135. VAIVASVATÀYA - SVÀHÀ

मृगं सूक्त

136. MATR̥BHYAḤ - SVÀHÀ

कलत्रियं सूक्त

137. KALARATRÌYE - SVÀHÀ

सिद्धिप्रदं सूक्त

138. CITRAGÜPTAYA - SVÀHÀ

ऋक्सधिपतयं सूक्त

139. RAḤṢASADHIPATAYE - SVÀHÀ

ऋक्सगनिपिं सूक्त

140. RAKṢASI GANIPI - SVÀHÀ

क्राकरं सूक्त

141. KRA KARE - SVÀHÀ

ऋक्सं सूक्त

142. RAKṢASEBHYAḤ - SVÀHÀ

ਸੁਚੰਪਗਯਸੁਖਮਿਭਿਯਸੁਨ

143. APAM PATAYE MEGHÀ 'SANIYE - SVÀHÀ

ਪ੍ਰਥਿਵੀਸੁਨ

144. PṚTHIVYAI - SVÀHÀ

ਸੁਰਸੁਕ੍ਰਿਸੁਨ

145. SURASVATYAI - SVÀHÀ

ਵਿਸ਼ੁਵਸੁਨ

146. VIṢṆUVE - SVÀHÀ

ਵਿਸ਼ੁਵਿਸੁਨ

147. VIṢṆUVI - SVÀHÀ

ਕਾਂਡਰਾਯਾਸੁਨ

148. CANDRÀYA - SVÀHÀ

ਨਕਸ਼ਤ੍ਰਨਿਰਜਾਦਾਨੀਯੇਸੁਨ

149. NAKṢTRA NIRJADANIYE - SVÀHÀ

ਨਾਮਾਹਸਮਾਂਤਾਬੁੱਧਾਨਾਮਦੁਵਾਰਸਾਮਾਹਾਰੋਸਾਨਾ

150. NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṀ - DUVARṢA MAHÀ ROṢANA
KHADAYA - SARVA TATHÀGATA JÑÀṀ KURU - SVÀHÀ

ਹੇ ਅਭਿਮੁਕ੍ਖਾ ਮਹਾਪ੍ਰਾਚੰਡਾ ਕਾਖਾਦਾਯਾ ਕਾਮਚਿਰਾਯਾਸੀ ਸਮਾਯਾ ਮਨੁਸਮਾਰਾਸੁਨ

151. HE ABHIMUKHA - MAHÀ PRACAṆḌA - KHÀDAYA
KAMÇIRÀYASI SAMAYA MANUSMARA - SVÀHÀ

ਹੁਮ੍ ਧ੍ਰਿਮ੍ ਧ੍ਰਿਮ੍ ਚ੍ਰਿਮ੍ ਧ੍ਰਿਮ੍

152. HUṀ DHRIM DHRIM CRIM DRIM - SVÀHÀ

ਸੁਪ੍ਰਾਜਿਯਾਮ੍ ਤਿਯਾਮ੍ ਤਾਦਿਯੇ

153. APRÀJITE JAYAMTI TAḌITE

ਨਾਮਾਹਸਮਾਂਤਾਬੁੱਧਾਨਾਮਨੰਦਾਯਾਸੁਨ

154. NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṀ - NANDAYA - SVÀHÀ

ਉਪਾਨੰਦਾਯਾਸੁਨ

155. UPANANDAYA - SVÀHÀ

ନିରାମ୍ୟ ବକ୍ଷୁଃ ଧୃତ୍ୟୁଃ ନିରାମ୍ୟ ପଦ୍ୟୁଃ
 ଧୃତ୍ୟୁଃ ନିରାମ୍ୟୁଃ

178. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - A
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - SA
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - VA
 KA KHA GA GHA
 CA CHA JA JHA
 ṬA ṬHA ḌA ḌHA
 TA PA (?THA) DA DHA
 PA PHA BA BHA
 YA RA LA VA
 'SA ṢA SA HA - KṢA

ନିରାମ୍ୟ

ନିରାମ୍ୟ ବକ୍ଷୁଃ ଧୃତ୍ୟୁଃ ନିରାମ୍ୟ ପଦ୍ୟୁଃ
 ଧୃତ୍ୟୁଃ ନିରାମ୍ୟୁଃ

179. À - SÀ - VÀ
 KÀ KHÀ GÀ GHÀ
 CÀ CCHÀ JÀ JHÀ
 ṬÀ ṬHÀ ḌÀ ḌHÀ
 TÀ THÀ DÀ DHÀ
 PÀ PHÀ BÀ BHÀ
 YÀ RÀ LÀ VÀ
 'SÀ ṢÀ SÀ HÀ - KṢÀ

ନିରାମ୍ୟ

ନିରାମ୍ୟ ବକ୍ଷୁଃ ଧୃତ୍ୟୁଃ ନିରାମ୍ୟ ପଦ୍ୟୁଃ
 ଧୃତ୍ୟୁଃ ନିରାମ୍ୟୁଃ

180. AM - SAM - VAM
 KAM KHAM GAM GHAM
 CAM CCHAM JAM JHAM
 ṬAM ṬHAM ḌAM ḌHAM
 TAM THAM DAM DHAM
 PAM PHAM BAM BHAM
 YAM RAM LAM VAM
 'SAM ṢAM SAM HAM - KṢAM

ନିରାମ୍ୟ

ନିରାମ୍ୟ ବକ୍ଷୁଃ ଧୃତ୍ୟୁଃ ନିରାମ୍ୟ ପଦ୍ୟୁଃ
 ଧୃତ୍ୟୁଃ ନିରାମ୍ୟୁଃ

181. AḤ - SAḤ - VAḤ
 KAḤ KHAḤ GAḤ GHAḤ
 CAḤ CCHAḤ JAḤ JHAḤ

नमःसर्वभूतानां देवयज्ञस्य कृते नमः

187. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - RAṀ RAḤ - SVĀHĀ
- VAM VAḤ SVĀHĀ
 - SAM SAḤ SVĀHĀ
 - HAM HAḤ SVĀHĀ
 - SAM SAḤ SVĀHĀ
 - BUDDHĀ DHARAṆI SMṚTI BALĀ DHANA KARI -
 - DHARAYA SUVAṀ - BHAGAVATI ĀKĀRA VATI -
 - SUMAYE SVĀHĀ
 - A - VEDA VIDE - SVĀHĀ
 - MAHĀ YOGA YOGINI YOGĒ'SVARI KHAṀ JARIKE -
 - SVĀHĀ
 - NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYO - VI'SVA
 - MUKHEBHYAḤ - SARVATHĀ - A Ā AM AḤ

न...ः

188. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - AM

न...ः

सर्वभूतानां देवयज्ञस्य कृते नमः
सर्वभूतानां देवयज्ञस्य कृते नमः

189. NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM - SARVATHĀ 'SAM 'SAM -
- TRAM TRAM - GUṀ GUṀ - DHARAṀ DHARAṀ - SVAPAYA
- BUDDHĀ SATYA VĀ - DHARMA SATYA VĀ - SAṀGHA
- SATYA VĀ - HŪM HŪM - VEDA VIVE - SVĀHĀ

30/04/2002

